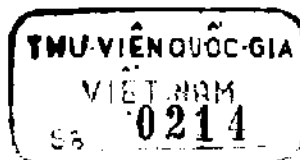


# HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

## LUẬN-VĂN TỐT-NHIỆP

# GIÁM SÁT VIỆN

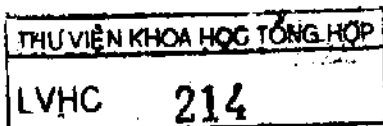


GIÁO-SƯ HƯỚNG DẪN :  
GS. NGUYỄN-MẠNH-HÙNG

NGUYỄN - THỊ KIM - OANH

BAN ĐỐC SƯ 17

1969 - 1972



**H**ọc Viện Quốc Gia Hành Chánh  
không tán thành cũng như không  
phản đối những ý kiến phát biểu  
trong luận văn. Những ý kiến đó  
do tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm.

---

Chân kính ghi ơn :

Giáo sư VIỆN TRƯỞNG  
Giáo sư PHỔ VIỆN TRƯỞNG  
Quý vị Giáo sư ...  
HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Đã tận tụy dùi dốt chúng tôi  
trong suốt thời gian học tập  
tại Học Viện Quốc Gia Hành Chính

---

*Chân thành Tri ân:*

Giáo Sư NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Tiến Sĩ Chính - Trị - Học

*Người đã vui lòng nhận bảo trợ và  
tân tâm hướng dẫn chúng tôi  
biên soạn tập Luận văn này.*

---

# MỤC LỤC

	Trang
D Ẫ N N H Ậ P	1
P H Ầ N T H Ứ N H Ậ T	
QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP GIÁM SÁT VIỆN TRONG TỈNH THẦN BẢN VĂN HIẾN PHÁP 1-4-1967 .....	6
<u>CHƯƠNG K</u> - CÁC CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT CẬN KIM .....	7
<u>MỤC I</u> - Viện Giám-Sát 1949 .....	7
<u>MỤC II</u> - Nha Tổng Thanh-Tra Hành-Chánh và Tài-Chánh .....	9
A - Từ ngày thành lập đến 1-11-1963.	
B - Sau Cách-Mạng 1-11-1963	
<u>MỤC III</u> - Giám-Sát-Viện năm 1966 .....	14
<u>CHƯƠNG II</u> - LÝ DO THIẾT LẬP VÀ VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN THEO TỈNH THẦN BẢN HIẾN PHÁP 1-4-1967.....	18
<u>MỤC I</u> - Lý do thiết lập .....	18
1- Phương diện xã-hội	
2- Phương diện chính trị	
<u>MỤC II</u> - Vị trí của Giám-Sát-Viện trong cơ cấu Quốc-Gia .....	21

PHẦN THỨ HAI

GIÁM SÁT VIỆN ĐỆ II CỘNG HÒA	25
<u>CHƯƠNG I - CƠ CẤU TỔ CHỨC</u> . . . . .	26
<u>TIẾT I - Thành-phần quy-chế Giám-Sát-Viện</u> . . . . .	26
A - Thành-phần	
B - Quy chế	
<u>TIẾT II - Tổ chức và nhiệm vụ của Giám-Sát-Viện..</u>	28
A - Hội-Đồng Giám-Sát-Viện	
B - Văn-phòng Giám-Sát-Viện	
C - Ban Chuyên-biệt Trung-Ương	
D - Các Khu Giám-Sát Địa-phương	
Đ - Tổ chức cơ sở nội bộ Giám-Sát-Viện	
<u>TIẾT III - Thẩm quyền và nhiệm vụ Giám-Sát-Viện</u>	36
<u>MỤC I - Thẩm quyền của Giám-Sát-Viện</u> . . . . .	36
A - Đối với nhân viên công quyền	
B - Đối với Thẩm-phán, Dân-biểu, Nghị-sĩ	
C - Đối với nhân viên dân cử ngoài Dân-biểu và Nghị-sĩ	
<u>MỤC II - Nhiệm vụ của Giám-Sát-Viện</u> . . . . .	41
<u>CHƯƠNG II - THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH</u> . . . . .	43
<u>TIẾT I - Thủ tục điều hành Hội đồng và văn phòng</u> Giám-Sát-Viện . . . . .	43
<u>MỤC I - Thủ tục điều hành Hội-đồng GSV</u> . . . . .	43
<u>MỤC II - Thủ-tục điều hành Văn-phòng</u> . . . . .	44

<u>TIẾT II</u> - Thủ Tục Thanh-tra, Điều-tra và Chế-tải....	44
<u>MỤC I</u> - Thủ-tục Thanh-tra, Điều-tra và chế tải .....	44
A - Thủ tục	
B - Vấn đề được nêu lên về việc Giám-Sát-Viện mời nhân chứng.	
C - Quyền hạn của GSV đối với Tòa-Án	
D - Phạm-vi thẩm quyền điều-tra của GSV	
E - Có thể ủy nhiệm điều tra không ?	
<u>MỤC II</u> - Thủ tục tái xét đề nghị chế tải.....	53
<u>TIẾT III</u> - Thủ-tục Thẩm-tra Kế-toán .....	56
<u>MỤC I</u> - Thủ-tục thẩm tra Kế-toán .....	57
1- Thủ-tục kết-khiêm và giải nhiệm	
2- Thủ-tục thanh-quyết Ngân-sách	
<u>CHƯƠNG III</u> - HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM SÁT VIỆN - TƯƠNG QUAN GIỮA GSV VỚI CƠ QUAN CÔNG QUYỀN...	62
<u>MỤC I</u> - Hoạt-động của Giám-Sát-Viện.....	62
<u>MỤC II</u> - Tương-quan giữa Giám-Sát-Viện với các cơ quan công quyền.....	64
PHẦN THỨ BA	
NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ . . . . .	67
I - Ưu điểm . . . . .	67
II - Khuyết điểm khó khăn . . . . .	70
III - Đề nghị xây dựng . . . . .	74
A - Đối với Giám-Sát-Viện	
B - Biện-pháp hỗ trợ cho việc bài trừ tham nhũng	
1- Biện pháp cấp thời	
2- Biện-pháp ngăn ngừa	
<u>TỔNG KẾT</u> . . . . .	80

# PHẦN DẪN NHẬP

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Giống máy công quyền là một tổ chức quy mô và rộng lớn, bao trùm tất cả mọi ngành sinh-hoạt Quốc-gia.

Trong giống máy này, cơ quan lập-pháp đóng vai trò hoạch định đường lối chánh sách Quốc-gia và theo dõi sự thi hành chánh sách này, còn cơ quan hành-pháp đóng vai trò điều hành và phối hợp các cơ quan công quyền để thi hành chánh-sách do lập-pháp ấn định. Trong khi đó, việc trông chừng các nhân viên và kiểm soát hoạt động của các cơ quan công quyền được giao cho cơ quan giám-sát còn cơ quan Tư-pháp chỉ đóng vai trò tài-phán để giải quyết sự tranh tụng có thể xảy ra.

Tại hầu hết các Quốc-gia trên thế giới đều có cơ quan Giám-sát. Việt-Nam Cộng-Hòa hiện tại cũng có một Viện Giám-Sát. Tuy nhiên chế độ Giám-sát Đế II Công-Hòa Việt-Nam không phải là một tổ chức tân lập mà là một định chế chính-trị cổ truyền đã được thiết lập từ lâu đời ở Việt-Nam. Chế độ Giám-sát ở Việt-Nam có một đặc điểm là hiện diện trong bất cứ thời đại nào của lịch sử. Ngày xưa cơ quan Giám-sát được tổ chức theo hình thức chức vụ Sử-quan như Ngự-Sử, Giám-sát Ngự-sử, Ngự-sử Đại-phu có nhiệm vụ ghi chép lại hành vi và tác phong của Nhà Vua đồng thời làm tài mắt cho Nhà Vua để theo dõi và kiểm soát Quan lại các cấp trong Triều-đình.

Chế độ này không phải bất biến mà thay đổi dần dần qua các Triều đại. Đến khi thu hồi độc-lập trong tay người Pháp, định chế giám-sát chính danh đầu tiên của người Việt-Nam mới ra đời. Đó là Viện Giám-sát do Cựu Hoàng Bảo-Đại thiết lập năm 1949. Tiếp theo đó, Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh được thiết lập dưới thời Đế I Cộng-Hòa có nhiệm vụ kiểm soát nền Hành-chánh và Tài



chánh Quốc-gia. Sau khi nền Đệ I Cộng-Hòa cáo chung, Chính-phủ kế tục do Nội-các Chiến-tranh lãnh đạo muốn đối phó với nạn tham nhũng đang hoành hành tại Việt-Nam lúc bấy giờ đã thiết lập một Viện Giám-Sát chính danh năm 1966.

Đối với đà phát triển của nền Dân-chủ, Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam được ban hành ngày 1 tháng 4 năm 1967 đã nhìn nhận Giám-Sát-Viện là một cơ quan công quyền hiến định.

Nhưng đến đây, một vấn đề đặt ra là tại sao phải thiết lập cơ quan Giám-sát ?

Có thể nói, nhu cầu thiết yếu để đưa đến sự hiện diện của Giám-sát-viện là vấn đề tham nhũng và lạm dụng quyền thế.

Tham nhũng và lạm dụng quyền thế là một tệ đoan lớn lao ở Việt-Nam và các nước chậm tiến Á-Phi. Chính tệ đoan lớn lao này đã làm phát sinh ra các bất công trong xã-hội, khiến người dân mất đi niềm tin tưởng và không còn hợp tác với chính quyền.

"Tham nhũng ~~kháng~~ khiếp lắm", nhưng do đâu mà nạn tham nhũng đã được phát sinh, nuôi dưỡng và bành trướng mạnh mẽ đến ngày nay ?

Có thể nói, thực trạng nền hành-chánh Việt-Nam là nguyên nhân nuôi dưỡng và bành trướng nạn tham nhũng. Quả thật, guồng máy Hành-chánh Việt-Nam hiện tại vẫn còn hiện diện một số khuyết điểm sau :

- Khuyết điểm về tổ chức : đó là một nền hành chánh đa diện, một tổ chức rườm rà và thiếu hợp lý, lệ thuộc vào hệ cấp, có nhiều khác biệt giữa lý thuyết và thực hành.

- Khuyết-điểm về nhân sự : sự sử dụng nhân viên không đúng khả năng, đôi khi thiếu hợp lý đã làm cho nhân viên không quan niệm đúng vai trò của mình. Hơn thế nữa, nạn bè phái và hiện tượng quân-nhân nắm chính quyền đã gây nên khủng hoảng nhiều cho việc điều hành guồng máy hành chính muốn được hữu hiệu.

- Khuyết điểm về kỹ-thuật : Hiện nay, Việt-Nam vẫn còn áp dụng phần lớn các kỹ-thuật của một nền hành-chánh thuộc địa, chậm tiến hơn là một nền hành-chánh tân tiến để phát triển.

Chính các khuyết điểm này là một môi trường thích hợp cho nạn tham nhũng hoành hành. Cho nên có thể nói gần như đơan chắc rằng, bao lâu những khuyết điểm này chưa được sửa đổi thì nạn tham nhũng vẫn còn tồn tại mãi.

Nếu các khuyết điểm của thực trạng hành chính đã dung dưỡng cho tham nhũng thì yếu tố ngoại-lai là những động cơ thúc đẩy cho tệ đơan này phát-triển.

- Về phương diện văn-hóa xã-hội : sự hiện diện của một số lớn quân đội Đông-minh đã gây nên sự phân hóa trầm trọng trong xã-hội. Một số người làm giàu một cách mau lẹ khiến cho bậc thang giá trị bị đảo lộn. Tiền tài là giá trị siêu đẳng, đứng trên những giá trị tinh thần khác như lý tưởng, công-bằng, liêm khiết... Trước bối cảnh xã hội đó, guồng máy hành-chánh phải tiếp nhận để chịu ảnh hưởng và đã thúc đẩy sự thành hình các nhu cầu rồi tham nhũng.

- Về phương diện chính trị : Tình trạng bất ổn liên miên, sự bấp bênh của các Chính-phủ sau ngày Cách-mạng 1 tháng 11 năm 1963 chi phối mạnh mẽ đến cán bộ hành chính, tạo nên một tầng lớp công chức có tinh thần cầu an, óc bè phái và chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân nhiều hơn là phục vụ quần chúng.

- Về phương diện kinh-tế : Tình trạng kinh tế nhà nước bị suy đồi vì chiến tranh, lệ thuộc vào ngoại viện và mọi ngành sản xuất trong nước hầu như bị đình trệ. Sự tăng gia nỗ lực chiến tranh kéo dài theo đà gia tăng của vật giá với một nhịp độ chưa từng có từ năm 1968 đến nay. Nạn lạm phát đã gây thiệt hại nhiều cho những giới có lợi tức cố định mà thành phần chính là công chức. Hệ thống lương-bổng mặc dầu được gia tăng nhưng vẫn không theo kịp đà gia tăng giá cả. Vì thế nên một phần lớn công chức phải sống một cách chật vật.

Để bổ túc lương-bổng thiếu sót này, người công chức phải kiếm tiền bằng những hình thức tham nhũng.

Tóm lại, thực trạng nền hành-chánh phối hợp với những yếu tố ngoại-lai của tham nhũng làm cho cơ cấu hành-chánh đã kém hữu hiệu lại càng kém hữu hiệu hơn. Từ sự kiện này, nạn tham nhũng vẫn còn tồn tại trong tương lai. Vòng lẩn quẩn của tham nhũng và thực trạng hành chánh Việt-Nam là một điều đáng lo ngại nhất cần phải được phá vỡ, vì tham nhũng luôn luôn gây ra những hậu quả tai hại và lớn lao đến sự điều hành guồng máy hành-chánh. Một cán bộ hành-chánh khi quyết định một việc thay vì căn cứ trên ích lợi chung, lại để tư lợi xen vào một cách mạnh mẽ vào diễn trình quyết định đó, đến nỗi các quyết-định trở nên lệch lạc thiếu sót và thiếu vô tư nên không đạt được hiệu năng tối đa. Vì thế, các nhà lãnh đạo hành chánh phải tìm kiếm những biện pháp bài trừ tham nhũng như trọng tâm công tác của Chính-phủ.

Trong thực tế, từ trước đến nay, những biện pháp của các cơ quan giám-sát để bài trừ tham nhũng chỉ có tính cách nhất thời, và vói không đạt thành một chính sách hẳn bởi nên vẫn chưa được kiến hiệu.

Thật ra, các cơ quan giám-sát chỉ dùng các giải pháp đo như một liều thuốc an thần làm xoa dịu cơn bệnh trong nhất thời chứ không định bệnh kỹ để tìm phương thuốc hiệu nghiệm nhất cứu chữa tận gốc. Thành thử, cho đến nay nạn tham nhũng vẫn còn là một mối lo âu thường trực của

chúng ta. Vì thế, đối với Việt-Nam cũng như các nước đang mở mang khác, các biện pháp bài trừ tham nhũng thiết thực được đề ra cũng đóng một vai trò quan trọng như vấn đề thiết lập chính sách Quốc-gia. Điều này Chính-phủ nào, nhà Lãnh-đạo nào cũng ý thức được. Nhưng vấn đề đặt ra là phải bắt đầu từ điểm nào để thực hiện chính sách đó, bắt đầu tiêu diệt những nguyên nhân nội tại hay ngoại lai của tham nhũng.

Nói khác đi, muốn diệt trừ tham nhũng không phải chỉ áp dụng những biện pháp ngắn hạn, mà phải áp dụng những biện pháp dài hạn và liên tục để diệt trừ tận gốc. Thiện chí và quyết tâm của nhà Lãnh-đạo trong việc bài trừ tham nhũng chưa đủ mà còn đòi hỏi Chính quyền phải có một sách lược thực tiễn để thi hành nối tiếp từng giai đoạn đưa tham nhũng đến sự giải kết dần dần.

Tóm lại, với những trình bày kể trên, việc bài trừ tham nhũng phải được đặt thành quốc sách và giao cho cơ quan giám-sát có thực tài đảm trách. Nhưng, cho đến nay, các cơ quan giám-sát đã làm được những gì? Giám-sát-viện hiện hữu có làm tròn sứ mạng thiêng liêng mà Hiến pháp đã giao phó hay không? Giám-sát-viện đã thành công hay thất bại? Hoạt động của Giám-sát-viện đã đạt được kết quả nào? Chúng ta sẽ lần lượt xét qua từ cơ cấu tổ chức đến mọi khó khăn trở ngại khi hoạt động và thành tích đạt được để đi đến một phán đoán chính xác và hợp lý.

## PHẦN MỘT

### QUA TRÌNH THÀNH LẬP CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN TRONG TÌNH THẦN BẢN HIẾN PHÁP 1-4-1967

Giám sát không phải là một chế độ mới mẻ ở Việt-Nam. Tuy không lâu đời bằng chế độ Giám-sát ở Trung-quốc. Chế độ Giám-sát Việt-Nam là một chế-độ cổ truyền của định chế chính trị nước ta và ít ra cũng có trên một ngàn năm lịch sử.

Qua bao giai đoạn thăng trầm của đất nước, Việt Nam được tiếp xúc với nhiều nước trên thế-giới và đã tối-tân-hóa chế độ Giám-sát cổ-truyền của mình bằng những kỹ thuật tinh vi mới mẻ du nhập từ các chế độ Giám-sát ngoại quốc. Kết quả là Việt-Nam đã tạo cho mình một chế độ Giám-sát đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của Quốc gia trong tình trạng chiến tranh kéo dài nhiều năm tháng.

Sau đây, chúng ta sẽ cố gắng nghiên cứu chế độ Giám-sát mới nhất của chúng ta, Chế-độ Giám-sát Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam trong hai chương :

CHƯƠNG I - Các chế độ Giám-sát Cận-kim

CHƯƠNG II - Lý do thiết-lập chế độ Giám-sát.  
Vị trí của Giám-sát-viện trong cơ cấu Quốc-gia theo tinh thần Hiến-Pháp 1-4-1967.

## CHƯƠNG THỨ I

### *Các chế độ giám sát cũn kim*

Sau Hiệp-ước Vịnh Hạ-Long ngày 8 tháng 3 năm 1949, Việt-Nam được Pháp trao trả nền độc-lập. Pháp đã ra đi, nhưng vấn đề lại cho chúng ta một nền hành chính hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Pháp, hậu quả của 80 năm chịu đô hộ. Nói khác, là chúng ta thừa hưởng một tổ chức công quyền rất Tây-phương về việc hành-chánh cũng như việc thanh tra, kiểm soát. Chúng ta sẽ lần lượt xét qua :

- Viện Giám-sát thành-lập năm 1949
- Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh
- Giám-Sát-Viện năm 1966.

### MỤC I - VIỆN GIÁM SÁT NĂM 1949.

Do Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949, điều 2, Chính quyền đã thành lập Viện Giám-sát để kiểm soát guồng máy công quyền. Viện Giám-sát này được tổ chức, điều hành theo Sắc-lệnh số 52-QT ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn định như sau :

#### I - Tổ chức -

Viện Giám-sát gồm một số vị Giám-sát do Quốc-trưởng bổ nhiệm bằng Sắc-lệnh sau khi Hội-đồng Tổng-trưởng thảo luận. Muốn được bổ nhiệm làm Giám-sát-viên, các vị này phải là nhân sĩ được quốc dân nể trọng. Các vị Giám-sát là viên chức cố tuyền thê không được kiêm nhiệm chức

vụ nào khác. Họ không được hưởng lương-bổn mà chỉ được hưởng một thứ phụ cấp riêng. Về vấn đề an-ninh, ngoại trừ trường hợp quả tang phạm pháp, các vị Giám-sát chỉ có thể bị bắt giữ hay truy tố ra trước Tòa án sau khi Quốc-trưởng chuẩn cấp giấy phép Quốc-trưởng có thể ký Sắc-lệnh cất chức vị này sau khi Hội-đồng Tổng-trưởng thảo luận.

## II - Quyền hành -

Theo điều 5 Sắc-lệnh số 52-QT ngày 18 tháng 10 năm 1949, các vị Giám-sát có quyền :

- Thanh-tra tổng quát để kiểm soát sự điều hành và quản-đốc công-sở ;

- Trình Quốc-trưởng ý kiến và đề-nghị để cải-thiện sự tổ chức, điều hành và phối trí các công-sở để tăng tiến hiệu lực của các cơ quan ấy và tiết kiệm cho công quỹ ;

- Được quyền xét tại chỗ các sổ sách kế-toán và các văn-kiện cần thiết ;

- Được đòi giải thích bằng lời nói hoặc tờ khai về việc họ đang cứu xét ;

- Chứng kiến hoạt-động của cơ quan bị thanh tra, xác nhận ngạch số, kiểm điểm các dụng cụ và vật liệu cung cấp ;

- Kiểm tra việc quản-lý của các viên chức giữ công quỹ, kiểm soát các quỹ và sổ sách của Thủ-quỹ Ngân-kho, thủ-quỹ địa-phương.

## III - Điều hành -

Mỗi năm, Viện Giám-sát phải lập một chương trình tổng thanh-tra các công sở, Các chương trình này sau khi Quốc-trưởng phê chuẩn mới được thi hành.

Theo điều 6 Sắc-lệnh số 52-QT, Viện Giám-sát muốn mở cuộc điều tra một công chức, phải xin lệnh của Quốc-Trưởng. Trước khi thanh tra hay điều-tra, vị Giám-sát có thể liên lạc trước với các vị chỉ-huy của đương sự hầu được giúp đỡ phương tiện để thi hành nhiệm vụ được dễ dàng.

Sau khi kết thúc cuộc điều tra, vị Giám-sát phải phúc trình Quốc-Trưởng công tác đã thi hành, nêu ý kiến, đề nghị trừng phạt. Nhưng theo điều 9 Sắc-lệnh thượng dẫn, các vị Giám-sát không được trực tiếp quyết định gì cả.

#### IV - Nhận xét -

Qua văn kiện thành lập và tổ chức, Viện Giám-sát có rất nhiều quyền hành. Nhưng thực tế, quyền hành của Viện thật hạn hẹp. Viện Giám-sát không thể bắt thân hay tự ý mở một cuộc điều tra về hành vi của một công chức mà phải xin lệnh của Quốc-Trưởng (điều 6). Ngoài ra, Viện cũng không được trực tiếp quyết định điều gì cả, Viện cũng chỉ có thể họp Hội-đồng nếu Quốc-trưởng triệu tập và chủ tọa. Với những giới hạn điển hình kể trên, Viện Giám-sát đã đóng vai trò hoàn toàn thụ động. Mọi hoạt động của Viện Giám-sát do sự khởi xướng của Quốc-Trưởng, thế mà Quốc-Trưởng bất động. Có lẽ vì đó mà Viện Giám-sát đã không có một hoạt động cụ thể nào trong suốt thời gian từ ngày thành lập tới ngày bị thay thế bởi Nha Tổng Thanh-Tra Hành-Chánh và Tài-Chánh.

### MỤC II - NHA TỔNG THANH TRA HÀNH CHÁNH VÀ TÀI CHÁNH.

#### A - Từ ngày thành lập đến 1-11-1963 -

Do Sắc-lệnh số 87-CP (2-10-1952), một Nha Tổng Thanh-Tra được thiết lập để thanh-tra các cơ sở Hành-chánh và Tài-chánh thuộc các tập thể công-lập và cơ quan công quyền. Nha này thuộc quyền trực tiếp của Thủ-Tướng Chính-phủ.



### I - Tổ chức :

Nhà Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh đặt dưới quyền điều khiển của một Tổng Thanh-Tra có các Chánh Thanh-tra và Thanh-tra Phụ-tá.

Tổng Thanh-tra, Chánh Thanh-tra, Thanh-tra là những viên chức có tuyền thế phải đủ :

- 35 tuổi
- Có ít nhất 10 năm công vụ

Các viên chức này khi phạm lỗi vẫn có thể bị cách chức, bị trừng phạt về hành-chánh và Tòa-án.

### II - Quyền hành -

- Được vào mọi nơi
- Được xuất trình để xem xét tại chỗ, sổ sách kế toán. Đối với các văn kiện cần thiết có thể đòi giao cho mình.
- Đòi giải thích bằng lời nói hay tờ khai viết về vấn đề mà họ đang điều tra.
- Nhận ngạch số và kiểm điểm dụng cụ
- Kiểm tra việc quản lý công quỹ
- Kiểm soát các quỹ và sổ sách.

Tuy nhiên, Thanh-tra không có quyền chỉ huy hay đình chỉ sự điều hành về hành-chánh hay kế toán của các cơ quan công quyền.

### III - Điều hành -

Tổng Thanh-tra và Chánh Thanh-tra thi hành nhiệm vụ theo Sự-vụ-lệnh của Thủ-Tướng Chánh-phủ hay do sáng kiến của Thủ-Tướng hoặc lời yêu cầu của Tổng-Trưởng Bộ-Trưởng.

Sau khi thi hành nhiệm vụ, viên chức điều tra phải đệ trình Tổng-trưởng sở quan tờ trình về cuộc kiểm soát để chuyển đến các tư nhân bị kiểm soát. Trong hạn 15 ngày, nhân viên này phải đệ trình tờ biện minh để vị Tổng-trưởng của đương sự thẩm xét. Sau cùng tờ trình này được gửi đến Tổng Thanh-tra để vị này đệ-trình lên Thủ Tướng.

#### IV - Phê-bình -

Trong suốt thời gian từ ngày được thiết lập đến ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 bùng nổ, Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh đã không làm được việc gì. Nguyên nhân do sự thiếu thốn nhân sự và sự thiếu thốn quyền hành.

- Trước hết về mặt nhân sự : Tổng số viên chức ngành Thanh-tra không đến 10 vị thì làm sao mà thanh tra và kiểm soát cả một guồng máy công quyền rất nặng nề về thủ tục và giấy tờ.

- Về mặt quyền hành : Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh chỉ được điều tra các công chức và thanh-tra các cơ sở Hành-chánh và Tài-chánh thuộc cơ quan công quyền, các tập thể công lập. Việc thanh-tra, kiểm soát các công-ty hợp doanh và các viên chức ở công-ty này Sắc lệnh 87 không có nói đến. Như vậy vì sự khiếm khuyết của luật-pháp mà Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh bị thiếu mất quyền hành. Nha này không thể thanh tra các công-ty hợp doanh và các viên chức của công ty mặc dầu họ có tham nhũng, tặc trách.

Một vấn đề nữa được nêu ra trước sự thất bại của Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh đó là các vị Thanh-tra không được bảo vệ khi thi hành nhiệm vụ, họ vẫn có thể bị cách chức hay bị những trừng phạt khác như người công chức. Biện pháp này đã làm giới hạn rất nhiều thiên chỉ làm việc của các vị Thanh-tra. Họ trở nên e dè trước mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của họ.

Tóm lại, trong suốt 11 năm được thiết lập, Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh không có hoạt động gì đáng kể hay nói khác đi là đã thất bại hoàn toàn do sự thiếu sót của luật pháp. Cũng giống như Viện Giám-sát năm 1949, Nha Tổng Thanh-Tra Hành-chánh và Tài-chánh làm việc dưới sự điều khiển của Thủ-tướng Chính-phủ. Nha này cũng chỉ là một cơ quan thụ động có danh chứ không có thực quyền.

B - Sau Cách-mạng ngày 1 tháng 11 năm 1963 -

Do Sắc-lệnh số 21-TTP ngày 2 tháng 12 năm 1963, một sự cải tổ quan trọng trong ngành Thanh-tra được đề ra. Nha Thanh-tra Hành-chánh thuộc Bộ Nội-vụ và Nha Thanh-trá Tài-chánh thuộc Bộ Tài-chánh được sáp nhập vào Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh trực thuộc Phủ Thủ-tướng. Thẩm quyền của Nha này được gia tăng khá nhiều so với trước khi Cách-mạng.

I - Tổ chức -

Theo Sắc-lệnh số 180-TTP ngày 27 tháng 4 năm 1964, Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh gồm :

- Một Tổng Thanh-tra
- Một số Thanh-tra tối đa là 30 người.

Các viên chức này phải là công chức hạng A có trên 10 năm công vụ. Phải có tiếng tốt về đức hạnh cũng như cách làm việc.

II - Quyền hành -

- Kiểm soát sự điều hành thường xuyên các công sở và các cộng đồng công lập của Quốc-gia ;
- Đề nghị mọi biện pháp cần thiết hoàn bị và cải tổ các công sở hoặc cộng đồng công lập ;

- Kiểm soát việc thi hành ngân sách công và trương-mục ngoại ngân-sách ;

- Kiểm soát các cơ quan công-lập tự trị, các xí nghiệp kinh tế hỗn hợp và các cơ quan tư nhân mà hoạt động liên hệ với quyền lợi của ngân-sách Quốc-gia.

Ngoài ra, Nha cũng có thể bắt thăm mở những cuộc điều tra để bài trừ tham nhũng. Như cũng được giao phó việc nghiên cứu hoặc công cán trong hay ngoài nước, nhằm mục đích cải thiện nền tài-chánh và tăng hiệu năng nền hành-chánh tổng quát.

### III- Điều hành -

Mỗi tháng ít nhất một lần, Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh sẽ mở những cuộc điều tra thường xuyên hay bắt thăm tại Trung-ương hay các Tỉnh.

Đoàn Thanh-tra thi hành nhiệm vụ theo khuôn khổ Sự-vụ-lệnh của Tổng Thanh-tra. Kết quả thu thập được, Tổng Thanh-tra sẽ đệ trình lên Chủ-tịch Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng và Thủ-Tướng Chính-phủ sau khi cho ý kiến và đề nghị.

### IV - Phê bình -

Nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh sau Cách-mạng 1-11-1963 đã được cải tổ lại với sự nới rộng quyền hành.

Nha đã thoát khỏi sự lệ thuộc vào Thủ-Tướng Chính-phủ. Nha được bắt thăm mở những cuộc thanh-tra và điều tra mà không phải xin phép trước. Nha cũng được kiểm soát các cơ quan công-lập tự trị, các xí nghiệp kinh-tế hỗn hợp... Đây là một điểm cải cách rất đáng khen đã tăng quyền hành cho Nha Tổng Thanh-tra. Sự tăng gia quyền hành này đã giúp rất nhiều cho Nha trong nhiệm vụ diệt trừ tham nhũng.

MỤC III - GIÁM SÁT VIỆN NĂM 1966 -

Trước đây tham nhũng mỗi ngày một gia tăng, Thiếu Tướng NGUYỄN CAO KỶ lãnh đạo Nội-các Chiến-tranh đã đưa ra một đòn thật mạnh nhắm vào bọn tham nhũng. Một Giám-sát-viện đã được thành lập do Sắc-lệnh số 84-SL/HP/VP ngày 8 tháng 3 năm 1966.

I - Tổ chức :

Đứng đầu Giám-sát-viện là Giám-Sát Viện-Trưởng, có một đoàn Thanh-tra phụ tá.

Giám-sát-viện trực thuộc Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng. Giám-sát Viện-trưởng được xếp ngang hàng với Ủy-viên (Bộ-Trưởng) và Giám-sát Phó Viện-trưởng ngang hàng với Thứ-Ủy (Thứ-trưởng). hai vị này được tham dự vào Hội-đồng Nội-các, Hội-đồng Kinh-tế - Tài-chánh Quốc-gia và các Ủy-Ban Liên-Bộ.

Đoàn Thanh-tra Giám-sát-viện gồm có :

- Tổng Thanh-tra
- Chánh Thanh-tra
- Thanh-tra
- \* Phó Thanh-tra

Các vị này phải là nhân-viên chính ngạch hoặc ngoại ngạch hạng A. Phải nổi danh về tính liêm khiết đức hạnh, có khả năng và thiện chí phục vụ. Các nhân viên đoàn Thanh-tra được ưu đãi rất nhiều về quyền lợi vật chất.

II - Quyền hành -

Giám-Sát-Viện là cơ quan tối-cao kiểm soát sự điều hành guồng máy Quốc-gia về phương diện nội-chánh, hành-chánh, tài-chánh, kinh-tế và xã-hội. Cơ quan này hành xử thẩm quyền trên toàn lãnh thổ Quốc-gia đối với tất cả cơ quan công quyền tập thể công lập, cơ quan tự trị, xí-nghiệp quốc-doanh, công-ty hợp-doanh và xí nghiệp tư mà sự hoạt động liên quan đến quyền lợi công-nhan.

Nhiệm-vụ của Giám-Sát-Viện rất nặng nề và bao quát :

- Nghiên cứu ảnh hưởng việc thực thi chủ trương của Chính-phủ và ghi nhận phản ảnh nhu cầu và thỉnh nguyện của nhân dân ;
- Kiểm soát việc thực hiện những chương trình cải cách và xây dựng Quốc-gia và đề nghị những biện pháp sửa đổi cần thiết ;
- Thanh-tra thường xuyên các cơ quan công quyền và đề nghị biện pháp cải tiến ;
- Kiểm soát chi thu của Ngân-sách Quốc-gia, Tỉnh, Xã và Trương-mục ngoại Ngân-sách ;
- Kiểm soát việc sử dụng và phân phối những tài nguyên Quốc-gia và ngân-khoản ngoại-viện ;
- Tổ chức những cuộc nghiên cứu hoặc công cán trong nước hay ở ngoại quốc ;
- Bài trừ bất công xã-hội, tệ đoan áp bức, lạm quyền, tham nhũng, lãng phí, hối lộ ;
- Phối trí hoạt-động của những hệ thống thanh tra Hành-chánh, Tài-chánh chuyên-môn tại các Bộ, có quyền điều động hệ-thống thanh-tra Liên-Bộ mỗi khi cần.

### III - Điều hành -

- Giám-Sát-Viện Trưởng chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự điều hành Giám-sát-viện ;

- Giám-Sát-Viện Trưởng hoạch định chủ trương đường lối và chương trình hoạt động của Giám-Sát-Viện ;
- Giám-Sát-Viện Trưởng có quyền hạn rất rộng rãi :
  - + Đưa ngưng chức viên chức phạm lỗi nếu thấy cần để giúp ích cho việc tìm ra ánh sáng ;
  - + Có quyền cho tạm thời câu lưu viên chức phạm lỗi trong khi chờ đợi truy tố đương sự ra Tòa.

Giám-Sát-Viện Trưởng chịu trách nhiệm trước Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương và chỉ nhận mệnh lệnh của vị này mà thôi.

#### IV - Phê bình -

Định chế Giám-sát này là một ưu điểm dưới thời Nội-các Chiến-tranh. Với sự cố gắng và nhiệt tâm của Nội-các, Giám-Sát-Viện đã được tăng cường quyền hạn trong việc kiểm soát Ngân-sách, bài trừ tham nhũng và những tệ đoan bất công trong xã-hội. Để giúp cho Giám-Sát-Viện làm tròn nhiệm vụ, quyền hạn của Giám-Sát-Viện Trưởng cũng được nâng cao, nhân-viên đoàn Thanh-tra cũng được ưu đãi về vật chất, nhờ đó mà họ không còn bận tâm về vấn đề sinh-kế, họ có thể tận dụng khả năng, kinh nghiệm thi hành nhiệm vụ của mình.

Tuy có cố gắng để được hoàn hảo, định chế này cũng vấp phải vài khuyết điểm bên cạnh các ưu điểm nêu trên.

Trước hết là Giám-Sát-Viện vẫn chưa được hoàn toàn tự do để hoạt động, Giám-Sát-Viện vẫn còn lệ thuộc vào Chủ-Tịch Ủy-ban Hành-Pháp Trung-Ương.

Đoàn Thanh-tra thì chưa có một bảo đảm để có thể giữ thái độ luôn luôn cương trực trước các nhà quyền thế.

- 17 -

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

Giám-Sát-Viện thiếu tổ chức tại địa-phương để kiểm soát nhà cầm quyền địa-phương và nhân sự của Giám-Sát-Viện không quá 30 người không đủ đáp ứng với nhu cầu bài trừ tham nhũng mà Chính-phủ đề ra.

Bên cạnh khuyết điểm nêu trên, Giám-Sát-Viện đã gặp phải một sự khó khăn trong khi thi hành nhiệm vụ. Đó là vấn đề thiếu sự hợp tác giữa Giám-Sát-Viện với cơ quan công quyền. Công việc giám-sát mang nặng màu sắc tâm lý vì động chạm quyền lợi cá nhân của mọi người, mọi tổ chức và nhất là động chạm đến quyền tự do quá trớn của con người mà bản chất phóng túng không muốn bị ai kèm chế. Do đó, công việc giám-sát thường gặp sự chống đối ngầm ngấm hay công khai của các đối tượng. Đây là một khó khăn gây trở ngại rất nhiều cho hoạt động của cơ quan Giám-sát.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 214



## CHƯƠNG II

### *Lý do thiết lập và vị trí Giám sát viện theo tinh thần hiến pháp 1-4-1967*

#### MỤC I - LÝ DO THIẾT LẬP -

Do sự thất bại của những cơ quan giám-sát thời trước, nạn lạm quyền, tham nhũng, bất công xã-hội ngày một gia tăng. Hình như cầu bài trừ tham nhũng đã thúc đẩy nhà Lập-hiến quy định Giám-sát-viện trong Bộ II Công-Hòa như một định chế đặc biệt trong cơ cấu Quốc-gia. Ý định của nhà Lập-hiến rất rõ ràng, thiết-lập cơ quan Giám-sát độc lập và có thực quyền để ngăn chặn hữu hiệu quốc nạn tham nhũng. Công việc thiết lập định chế này phát sinh từ những nguyên-do rất sâu xa :

#### 1- Về phương diện xã-hội :

Nước chúng ta trong tình trạng chiến tranh, một cuộc chiến kéo dài hàng mấy chục năm trường và người Việt-Nam đã đổ không biết bao nhiêu là xương máu. Chính cuộc chiến khốc liệt nay đã làm cho xã hội bị suy đồi, kinh-tế suy sụp. Trước mắt mọi người, chỉ thấy một tương lai mù mịt, viễn ảnh đen tối, con người chỉ biết trông cậy nơi mình, sống cho mình và trở thành vị kỷ không hay biết.

Do đâu mà phát sinh ra tham nhũng ?

Về phía công quyền, những động-lực thúc đẩy tham nhũng rất khó kềm chế vì dễ được bảo chữa bằng những luận điệu quen thuộc không thiếu căn cứ, rồi thói quen nguy hiểm của những tâm hồn mắc lỗi lại biến những luận cứ này thành những lý do có vẻ chính đáng hoặc những trường hợp gần như bất khả kháng.

- Trước hết, lương bổng quá thấp kém trong khi vật giá gia tăng. Gia đình bị túng thiếu, cũng đúng, nhất là đối với cấp dưới ;

- Có sự bất công trong chế độ lương-bổng và phân phối lợi tức.

Dù không đến nỗi túng thiếu, nhiều người thấy số lương và mức sống không xứng với chức vụ cao hoặc với sự cực nhọc phải chịu, trong khi nhiều giới khác kiếm lời quá dễ dàng để sống sa hoa, hưởng dụng một cảnh an ninh mà họ chẳng góp phần bảo vệ.

Vậy thì phải tham những để tự đền bù ?

Ở đây, nhận định không sai nhưng kết luận chắc đâu là đúng. Nếu tự đền bù, thì đâu có lấy thắng được của kẻ hưởng lợi bất chính trái lại thường sách thủ của những giới khác vô tội hoặc biến thủ của Quốc-gia.

Chính vì muốn bảo vệ người dân, bảo vệ ngân-quỹ Quốc-gia, mà nhu cầu giám-sát phát sinh. Guồng máy công-quyền là một tổ chức gồm nhiều hệ cấp. Cấp chỉ huy ở trên sẵn có phương tiện và quyền hành trong tay, nên thường sinh ra lạm quyền áp bức cấp dưới để thỏa mãn quyền lợi riêng tư. Còn cấp dưới, vì bản năng sinh tồn vị kỷ và áp lực vật chất, lòng tham lam sẵn có của con người luôn luôn chờ cơ hội lơ là kiểm soát của cấp trên là làm việc tắc trách, bòn rút công quỹ, đục khoét của công để vinh thân phì gia.

Vì ý thức tầm quan trọng của vấn đề mà các nhà cầm quyền trước đây đã ban hành một số biện pháp nhằm bài trừ tham nhũng và lạm dụng quyền thế. Các biện pháp này gồm có việc kiểm tra tài sản công chức bằng các cơ quan giám sát ở các chế độ trước. Nhưng sau thời gian thí nghiệm, người ta nhận thấy các biện pháp áp dụng từ trước đến nay đã không hữu hiệu như ý muốn. Vì vậy, các nhà Lập Hiến 1966 đã quyết định thành lập một Giám-Sát-Viện để bài trừ tham nhũng.

2- Về phương diện chính trị :

Qua phần trên, ta thấy nạn tham nạn tham những đã gây tai nạn cho xã-hội như thế nào. Trong phần này, chúng ta sẽ thấy tham nhũng còn là quốc nạn. Chính tham nhũng đã gây ra bao nhiêu bất mãn và làm cho chính trị bất ổn định. Qua bao nhiêu năm rồi rên, ai ai cũng muốn chấm dứt nạn lộng hành của cố-nhân hoặc phe nhóm, nạn cường hào ác bá. Chúng ta để cố dựng lên một bộ máy công quyền phòng theo quan niệm và hình thức Âu-Mỹ. Để chấn chỉnh hàng ngũ công bộc nhiều cơ sở huấn luyện đã được thiết lập để dạy pháp-luật, sinh-tế, tài-chánh, kế-toán, quản trị, theo đúng phương pháp của Pháp hay của Hoa-ky. Song những phương pháp đó chưa giúp chúng ta đào luyện nên những con người không bê bối, không dối trá, không gian lận, không áp bức và không tham lam. Hẳn vì thế, mà chúng ta phải thừa nhận rằng, tham nhũng không ngớt hoành hành và phải bài trừ.

Nhiệm vụ chính của Chính-quyền rất nặng vì chính quyền có nhiệm vụ trừ gian và phải có một chính sách thật thích nghi, thật đầy đủ và chính quyền phải có những đức tính thiện mỹ để tiêu biểu cho Quốc-gia : lý tưởng đòi hỏi như thế.

Nhưng thực tế đã có một sự mâu thuẫn đã được mặc nhiên dung thứ : Một mặt, dư luận đòi hỏi bài trừ tham nhũng, mặt khác bao người không mong gì hơn là biểu tiên cho được việc, thậm chí những viên chức nào khước từ hối lộ còn bị kêu là khó khăn, dũ dằn...

Chống đối tham-những thật ra chỉ có để tam nhân bị thiệt hại hoặc thấy bất bình. Chính vì thế mà vấn đề diệt trừ tham nhũng là vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi chính quyền một cơ quan Giám-sát thật tinh vi, có tầm hoạt động rộng lớn với một chính sách hết sức tế nhị.

MỤC II - VỊ TRÍ CỦA GIÁM SÁT VIỆN TRONG CƠ CẤU QUỐC  
GIÁ THEO TÌNH THẦN BẢN HIẾN PHÁP 1-4-1967

Để tìm hiểu vị trí của Giám-Sát-viện đối với các cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp, chúng ta cần phải nghiên cứu ý kiến của quý vị Dân-biểu Lập Hiến phát biểu khi thảo luận và biểu quyết các nét chính của Hiến-pháp và các điều khoản liên quan đến Giám-Sát-Viện.

Trước hết trong bài thuyết-trình về Giám-Sát-Viện, Dân-biểu Nguyễn-Văn-Phát, Ủy-viên Ủy-Ban Thảo-Hiến Quốc-hội Lập-hiến trong phiên họp khoáng đại ngày 23 tháng 12 năm 1966, Thuyết-trình-viên sau khi đã nêu lý do bài trừ tham nhũng, đã đề nghị việc lập một quyền thứ tư là quyền giám-sát cho một Viện Giám-Sát ngang hàng với cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp.

Mặc dầu cơ quan Giám-Sát-Viện không được minh thị ghi vào điều 3 Hiến-Pháp ngày 1 tháng 4 năm 1967, nhưng về đại cương, đa số các đề nghị của Dân-biểu thuyết-trình-viên đã được Quốc-hội Lập-Hiến và Lập-Pháp chấp nhận ghi vào Hiến-pháp và Luật 9/68.

Khi giải thích các điều khoản Hiến-pháp liên quan đến Giám-Sát-Viện đã có một sự bất đồng ý kiến giữa các Luật-gia nhất là các nhà Lập-pháp. Để tìm hiểu ý chỉ thật sự của nhà Lập-Hiến, ta bắt buộc phải tra cứu biên bản các phiên họp khoáng đại của Quốc-hội Lập-Hiến khi thảo luận về Giám-Sát-Viện.

Theo biên bản số 042-QHLLH (Công-báo VNCH số 7-QH ấn bản Quốc-hội ngày 7-4-1967), Dân-biểu La-Thành-Nghệ, Trưởng-ban Định-chế Đặc-biệt của Ủy-ban Thảo-Hiến và Dân-biểu Nguyễn-Văn-Phát đồng đề nghị thành lập trong Hiến-pháp một thứ quyền thứ tư là quyền giám-sát và nâng Giám-Sát-viện lên ngang hàng với các cơ quan Lập-Pháp, Hành-pháp và Tư-pháp.

Sau cuộc thảo luận vô cùng sôi nổi với nhiều ý kiến dị đồng, Quốc-hội Lập-Hiến đã biểu-quyết không chấp thuận thành-lập trong Hiến-Pháp đệ II Công-Hòa một quyền thứ tư là quyền giám sát giao cho một Giám-Sát-Viện ngang hàng với Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp. Trong cuộc biểu quyết, vòng thứ nhất đề nghị của Ủy-Ban Thảo-Hiến chỉ có 57 phiếu thuận, trong số 90 Dân-biểu hiện diện, nên không đủ túc số do nội-quy Quốc-hội Lập-hiến quy định là 78 phiếu. Trong cuộc biểu quyết vòng nhì, đề nghị của Ủy-ban Thảo-hiến cũng không đủ túc số hợp lệ là 59 phiếu và chỉ được 45 phiếu thuận trong số 87 Dân-biểu hiện diện.

Thiếu số Dân-biểu đã thắng đa số Dân-biểu trong cuộc biểu quyết nét chính quan trọng này của Hiến-pháp. Mặc dầu chống đối sự thành lập Giám-Sát-Viện, nhưng thiếu số Dân-biểu này vẫn nhìn nhận sự hữu ích của cơ quan giám sát, họ chỉ lo ngại Giám-Sát-Viện sẽ bắt lực trong công cuộc bài trừ tham nhũng với thành phần và quyền hạn eo hẹp hoặc trở thành một Siêu Chính-phủ nắm độc quyền tham nhũng.

Vì vấn đề thành-lập Giám-Sát-Viện trong Hiến-pháp tối quan trọng cho tương lai của đất nước, nên trong phiên họp ngày 29 tháng 12 năm 1968, Quốc-hội Lập-hiến đã thảo luận lại vấn đề này thế theo kiến nghị của 16 Dân-biểu. Trong phiên họp này, Quốc-hội Lập-hiến biểu quyết chấp thuận nguyên tắc thành-lập Giám-Sát-Viện, nhưng không định rõ vị trí của cơ quan này đối với cơ quan Hành Pháp, Lập-pháp và Tư-pháp. Do đó mà Ủy-ban Thảo-Hiến có toàn quyền đặt định vị trí của Giám-sát-viện trong cơ cấu công quyền.

Thoạt tiên, trong dự thảo Hiến-pháp, Ủy-ban Thảo Hiến đặt Giám-Sát-Viện trong Chương "Lập pháp". Nhưng, sau đó, Tiểu-Ban Tu-chính dự-thảo Hiến-Pháp của Ủy ban Thảo-hiến do Dân-biểu Phạm-Đình-Hưng chủ tọa, đem Giám-Sát-viện và Đặc-biệt Pháp-viện sang Chương "Các định chế đặc biệt" vì nhận thấy rằng, việc đặt Giám-Sát-Viện và Đặc-biệt Pháp-Viện trực thuộc Lập-pháp sẽ làm đảo lộn thế quân bình giữa Lập-Pháp, Hành-Pháp, Tư-pháp.

Theo quan niệm của Ủy-ban Tháo-Hiến, Giám-Sát-Viện phải có một cương vị độc lập để không có cơ quan công quyền nào đâu là Hành-pháp, Lập-pháp, Tư-pháp lợi dụng Giám-Sát-Viện làm phương tiện áp đảo các cơ quan khác.

Vị trí độc lập của Giám-Sát-Viện được thuyết-trình viên Ủy-ban Tháo-hiến trình bày một cách rõ rệt khi Quốc-hội Lập-hiến thảo luận và biểu quyết các điều 88, 89, 90 và 91 Hiến-Pháp liên quan đến định chế Giám-Sát-Viện.

Theo Biên-bản số 079-QHH/BB, số 80-QHLH/BB (Công-báo VNCH số 4-QH ngày 2 tháng 2 năm 1968) có hai khuynh hướng sau đây trong Quốc-hội Lập-hiến :

1- Khuynh hướng ủng hộ việc thiết lập một Giám-Sát-Viện có đầy đủ quyền hạn để thi hành nhiệm vụ bài trừ tham nhũng. Khuynh hướng này do Ủy-ban Tu-thác chủ trương và quy tụ được đa số Dân-biểu Quốc-Hội Lập-Hiến.

2- Khuynh hướng chống đối việc thành lập Giám-Sát-Viện trong Hiến-pháp. Khuynh hướng này quy tụ được một số dân-biểu thuộc Khối Liên-Minh Dân-chủ và Khối Đại-chúng.

Sự chống đối giữa hai khuynh hướng trên cực kỳ gay go và được thể hiện một cách trung thực qua sự phát biểu ý kiến của các Dân-biểu thuộc 2 khuynh hướng này.

Dân-biểu Phạm-Đình-Hung, khi bàn về vị trí của Giám-Sát-Viện, cho rằng : "Nếu Giám-Sát-Viện được ban cho một vị trí độc-lập đối với các cơ quan công quyền khác, thì Giám-Sát-Viện đó có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của mình".

Cùng vấn đề trên, Dân-biểu Lương-Thượng-Hải đã đề nghị : "Chúng ta phải có một cơ quan Giám-Sát-Viện với cương vị độc lập".

Dân-biểu Đặng-Văn-Sung chủ trương trái lại, Ông cho rằng : " Nhu cầu Giám-Sát-Viện lẽ ra của Hành-Pháp.

Nếu Hành-pháp không làm được, lúc bấy giờ Lập-pháp sẽ khuyến cáo, nên không cần đặt riêng một cơ quan".

Dân-biểu Hoàng-Xuân-Tửu cho rằng : "Nếu tổ chức như trên thì cơ quan Giám-Sát-Viện trở thành một đệ tứ quyền mà không thể đứng".

"Để tránh cho Giám-Sát-Viện không trở thành một Viện chuyên việc hối lộ, và để có hiệu quả thật sự có lợi cho dân chúng, Dân-biểu Ksor-Rot đề nghị chúng ta phải đặt Giám-Sát-Viện ở địa vị đệ tứ quyền ngang hàng với Hành-pháp, Lập-pháp và Tư pháp".

Tóm lại, theo tinh thần Hiến-pháp ngày 1 tháng 4 năm 1967, Giám-Sát-Viện phải có một cương vị độc lập đối với các cơ quan Hành-pháp, Lập-pháp và Tư-pháp mới có thể thi hành hữu hiệu và vô tư các trách nhiệm nặng nề mà Hiến pháp giao phó.

## PHẦN HAI

### GIÁM SÁT VIỆN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

---

Qua những cuộc thảo luận sôi nổi tại Quốc-Hội, sau khi đã san bằng những điểm bất đồng, Giám-Sát-Viện đã trở thành một định chế Hiến-định.

Chiếu Hiến-pháp Đệ II Cộng-Hòa, sau khi Quốc-Hội đã thảo luận và biểu quyết, Tổng-Thống VNCH đã ban Luật số 009/68 ngày 23 tháng 10 năm 1968 về tổ chức và điều hành Giám-Sát-Viện.

Sự quy định định-chế giám-sát trong Hiến-pháp đã nói lên trình độ tân tiến của một cơ quan Lập-Hiến và đây là điểm vàng son của Hiến-pháp Đệ II Cộng-Hòa khi so chiếu với Hiến-pháp của Quốc-gia khác.

Sự quy định của Hiến-pháp và Luật số 009 về Giám-Sát-Viện được xét qua 3 chương sau đây :

CHƯƠNG I - Cơ cấu tổ chức Giám-Sát-Viện

CHƯƠNG II - Thủ-tục điều hành

CHƯƠNG III - Hoạt động của Giám-Sát-Viện -  
Vài vụ điều tra điển hình



# CHƯƠNG I *Cơ cấu tổ chức*

## T I Ế T I - THÀNH PHẦN VÀ QUY CHẾ GIÁM SÁT VIỆN.

### A- THÀNH PHẦN -

#### I - Số Giám-Sát-Viên và nhiệm kỳ -

Theo điều 90, khoản 1 của Hiến-Pháp 1-4-1967, số Giám-Sát-Viên được ấn định từ 9 đến 18 vị.

Theo điều 3 của Luật 9/68 ấn định thành phần Giám-Sát-Viện là 18 vị.

Nhiệm kỳ là 4 năm. Có thể tái bổ nhiệm và có quyền từ chức. Nhiệm kỳ của Giám-Sát-Viên chấm dứt trong những lý do sau :

- 1- Mệnh một, thất tung
- 2- Từ chức
- 3- Bị truất quyền
- 4- Bất lực về tinh thần hay thể chất
- 5- Bị một trong ba thành phần liên hệ giải nhiệm.

#### II - Điều kiện và cách thức chỉ định -

Muốn được ứng tuyển Giám-Sát-Viên, các công dân phải có các điều kiện :

- Quốc-tịch Việt-Nam
- Đủ 30 tuổi
- Không bị tội đại hình hay tiểu hình trừ các tội sơ xuất hay bất cần
- Cư ngụ liên tục tại Việt-Nam ít nhất 5 năm
- Trong tình trạng hợp lệ quân dịch.

Theo điều 90 Hiến-pháp và điều 3 Luật 9/68, 18 vị Giám-sát có quyền kiểm soát các cơ quan Lập-pháp, Hành pháp, Tư-pháp, nên mỗi cơ quan công-quyền này đều được chỉ định 1/3 tức 6 vị.

Các Giám-Sát-Viên do Tổng-thống chỉ định được bổ nhiệm bằng Sắc-lệnh của Tổng-thống.

Về phía cơ quan Lập-pháp, Thượng-viện và Hạ-viện chỉ định 3 Giám-sát-viên trong phiên họp khoáng đại mỗi Viện.

Tối-Cao Pháp-Viện chỉ định 6 Giám-sát-viên trong một phiên họp Đại Hội-đồng của Tối-cao Pháp-Viện.

#### B - Quy chế Giám-Sát-Viên -

Chức vụ Giám-sát rất cao quý, do đó mà Luật 9/68 đã quy định một số bảo đảm cần thiết cho các Giám-sát-viên và một hình thức tuyên-thệ rất long trọng cho các vị Giám-sát-viên khi nhậm chức.

Giám-sát-viên phải long trọng tuyên thệ trong một phiên khoáng đại Lương-Viện Quốc-hội với sự hiện diện của Tổng-thống và Chủ-tịch Tối-cao Pháp-viện. Sau khi tuyên thệ, Giám-sát-viên có tư cách cảnh lại trong phạm vi hành xử quyền giám-sát.

Giám-sát-viên không thể bị truy tố, tàm nã, tàm nã, bắt giam hay xét xử bằng những phát biểu và biểu quyết tại Hội-đồng Giám-sát-viên, nếu không có sự chấp thuận của 2/3 tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ.

Trong trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác, Giám-sát-viên có thể bị Đặc-biệt Pháp-viện truất quyền như đã dự liệu ở điều 87 Hiến-Pháp.

Giám-sát-viên có quyền và nhiệm vụ bảo mật về xuất xứ các tài liệu trình bày trước Đại Hội-đồng. Tuy nhiên, các Giám-sát-viên có nghĩa vụ trưng bày bằng cứ, tài liệu trước các cơ quan có thẩm quyền để làm sáng tỏ nội vụ. Chỉ có Hội-đồng Giám-Sát-Viên mới có quyền hệ cấp đối với Giám-sát-viên.

Các Giám-sát-viên không thể kiêm nhiệm một chức vụ công hay tư nào khác dù có thù lao hay không, ngoại trừ việc giảng-huấn tại Đại-học và Cao-đẳng Kỹ-thuật.

Giám-sát-viên và người hôn phối không thể tham dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với các cơ quan công quyền và hợp-doanh.

Mãn nhiệm kỳ, Giám-sát-viên là công chức đương nhiên hồi ngạch cũ nếu có đơn xin và thời gian phục vụ tại Giám-Sát-Viện được tính thâm niên trong ngạch tương tự

## TIẾT II - TỔ CHỨC GIÁM SÁT VIỆN - NHIỆM VỤ CỦA GIÁM-SÁT-VIÊN -

Về phương diện tổ chức, Giám-Sát-Viện gồm các cơ cấu sau đây :

- Hội-đồng Giám-Sát-Viên
- Văn-Phòng Giám-Sát-Viên

- Các Ban Chuyên-Biệt Trung-Ương
- Các Khu Giám-Sát Địa-phương.

A - Hội-đồng Giám-sát :

I - Thành-phần :

Hội-đồng gồm toàn thể 18 vị Giám-Sát. Đây là cơ quan Chỉ-đạo của Giám-Sát-Viện.

II - Nhiệm-vụ :

- Quản trị ngành Giám-sát
- Soan thảo và biểu quyết nội quy, ngân sách tự trị, tổ chức nội-bộ, quy chế thanh-tra-đoàn, thể lệ Tài-chánh đặc biệt và văn kiện lập quy khác của Viện.
- Thiết định kế hoạch và chương trình hoạt động của Viện.
- Bầu cử Văn-phòng Viện.
- Quyết định việc đề nghị các biện pháp chế tài đối với các viên chức phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự phạm lỗi ra trước Tòa.
- Quyết định việc công bố kết quả điều tra.
- Quyết định kết khiếm hoặc giải nhiệm các nhân viên có trách nhiệm về kế toán.

B - Văn phòng Giám-Sát-Viện -

I - Thành-phần :

Văn-phòng Giám-Sát-Viện gồm :

- Chủ-Tịch
- Phó Chủ-tịch
- Tổng Thư-ký

- Trưởng Ban Điều-tra và Kiểm-tra
- Trưởng-Ban Điều-tra Kế-toán và Kiểm-kê Tài-san.

## II - Cách bầu-cử -

Viện sẽ bầu Văn-phòng theo lối bỏ phiếu kín, đơn danh và đích danh. Ứng cử viên có thể tình nguyện hoặc được giới thiệu.

Chủ-tịch Giám-Sát-Viện được bầu với đa số quá bán tổng số Giám-sát. Nếu đa số này không đạt được ở vòng đầu, hai ứng cử viên được nhiều phiếu nhất sẽ vào vòng nhì và chỉ cần đa số tương đối là đắc cử. Trong trường hợp đồng phiếu, người cao niên nhất sẽ vào vòng nhì.

Phó Chủ-tịch, Tổng Thư-ký, Chủ-tịch các Ủy-ban chuyên-biệt Trung-ương Giám-Sát-Viện được bầu riêng theo đa số tương đối.

Nhiệm kỳ văn phòng là 12 tháng.

Nhân viên của văn-phòng có thể xin từ chức bất cứ lúc nào. Việc từ chức phải được công bố trong phiên họp Đại-Hội-Đồng gần nhất. Trong nhiệm kỳ, văn phòng có thể thay thế một hay nhiều nhân viên với sự chấp thuận của 2/3 tổng số Giám-sát khi nghe đương sự biện minh.

## III. - Nhiệm vụ :

Văn-phòng có nhiệm vụ :

- Chấp hành các quyết-nghị của Đại-hội-đồng
- Điều-hành sự hoạt-dộng của Viện và điều khiển các cơ quan trực thuộc
- Tổ chức việc thu thập dân ý tại Trung-ương và địa-phương.

Ngài quyền hạn do nội quy ấn định cho mỗi nhân viên, văn phòng sẽ phân công giữa các nhân viên và ấn định lề lối làm việc của văn phòng theo các quy tắc ghi trong nội quy.

C - Các Ban Chuyên-Biệt Trung-Uơng -

I - Ban Điều-tra và Kiểm-Tra :

a) Thành-phần :

Gồm một Chủ-tịch và 5 Ủy-viên đều là các vị Giám-sát.

b) Nhiệm vụ :

- Nghiên-cứu kế hoạch thanh-tra và điều-tra  
- Thiết-lập chương trình thanh-sát hỗn hợp thường xuyên hằng năm.

- Nghiên-cứu và đề nghị các biện pháp cải thiện lề lối làm việc của cơ quan công quyền, cơ quan công lập tự trị, xí-nghiệp quốc-doanh và công ty hợp doanh.

- Sưu tầm, tập trung tin tức và đề nghị mở các cuộc điều tra về các hành vi tham nhũng.

- Đề nghị mở các cuộc điều tra để tìm hiểu sự thật về mọi khiếu nại.

Nhiệm vụ của Ủy-ban chấm dứt cùng một lượt với nhiệm kỳ của Chủ-tịch Ủy-Ban.

II - Ủy-ban Thẩm-tra Kế-toán, Kiểm-kê Tài-sản -

a) Thành phần -

Gồm một Chủ-tịch và 4 Ủy-viên đều là Giám-sát-viên.

b) Nhiệm vụ -

- Nghiên cứu và đề nghị tổ chức cùng thủ tục thẩm tra kế-toán cùng các biện pháp chế tài đối với nhân viên có trách nhiệm ;

- Đề nghị mở các cuộc kiểm soát bất thần và tại chỗ các nghiệp vụ Tài-chánh, Kế-toán của cơ quan công quyền ;

- Hậu kiểm thường xuyên hồ sơ chi thu của các cơ quan, xí nghiệp quốc-danh, công-ty công quyền ;

- Nghiên cứu kế hoạch kiểm kê tài sản và đề nghị những biện pháp chế tài thích nghi đối với những phần tử gian manh ;

- Kiểm kê tài sản của nhân viên công quyền kể cả Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Chủ-tịch Thượng, Hạ Viện, Chủ-tịch Tối-cao Pháp-viện, Thủ-Tướng.

D - Các khu Giám-sát Địa-phương -

Theo điều 25 nội-quy Giám-Sát-Viện, Việt-Nam Cộng-Hòa được chia thành 4 khu Giám-Sát Địa-phương.

- Khu Giám-Sát I - bao gồm các thị-xã Huế, Đà-Nẵng, các Tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Quảng-Trị và Thừa-thiên.

- Khu Giám-sát II - gồm các thị-xã Đàlat, Cam-Ranh, các Tỉnh Bình-định, Bình-thuận, Darlac, Khánh-Hòa, Kontum, Lâm-Đông, Ninh-thuận, Pleiku, Phú-bồn, Phú-yên, Quảng-Đức, Tuyên-Đức.

- Khu Giám-sát III - gồm thị-xã Vũng-Tà và các Tỉnh Bien-Hòa, Bình-Dương, Bình-Long, Bình-Tuy, Hậu nghĩa, Long-An, Long-Khánh, Phước-Long, Phước-Tuy, Tây Ninh và Giadinh.

- Khu Giám-Sát IV - gồm thị-xã Mỹ-tho, Cần-thơ và các Tỉnh Định-tương, An-Giang, An-Xuyên, Ba-xuyên, Bạc Liêu, Châu-đốc, Chương-thiện, Gò-Công, Kiến-Hòa, Kiến-Phong, Kiên-Giang, Kiên-Tương, Phong-Dinh, Vĩnh-Long, Vĩnh Bình, Sadeo.

Mỗi Khu Giám-Sát được đặt dưới quyền một vị Giám sát mệnh danh là Đặc-Ủy Giám-sát xếp ngang hàng một vị Chủ-tịch Ban Chuyên-biệt Trung-Ương.

Đặc-Ủy Giám-sát do Hội-đồng Viện bầu cử, nhiệm kỳ là một năm, có thể tái tục.

- Nhiệm vụ của các Khu Giám-Sát :

- Kiểm soát nhân viên các cơ quan công quyền phục vụ trong Khu Giám-sát liên-hệ về mọi hành-vi, tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế ;

- Đề nghị mở những cuộc thanh tra, điều tra và kiểm soát kế toán ;

- Phối hợp với các vị Giám-sát Đồng Viện để mở những cuộc thanh-tra, điều-tra và kiểm-soát kế-toán ;

- Phối trí và phân định công tác của những hệ-thống thanh-tra của các cơ quan công quyền trong các cuộc thanh tra hỗn hợp.

E - Tổ chức cơ sở nội bộ -

Trên đây là tổ chức tổng quát của Giám-sát-viện được trù liệu bởi Luật 9/68 và nội quy Giám-Sát-Viện. Ngoài ra, theo Sắc-lệnh số 01-GSV/SL (21-1-1970) sửa đổi Sắc-lệnh số 1-GSV/SL ngày 18-1-1969 ấn định tổ chức các cơ sở nội bộ của Giám-Sát-Viện.

Các cơ sở nội Giám-Sát-Viện gồm có :

- Văn-phòng Chủ-Tịch

- Khối Quản-Trị



- Khối Thanh-tra và Điều-tra
- Khối Thẩm tra Kế-toán và Kiểm-kê Tài-sản
- Các Tòa Đạc-Ủy Giám-sát Địa-phương
- Đoàn-Chuyên-viên

1- Văn-phòng Chủ-tịch - gồm có :

a) Văn phòng chính danh do một Chánh Văn-phòng điều khiển, có một Bí-thư, ba công-cán ủy-viên, và hai tham-chánh văn-phòng phụ-tá.

b) Phòng Báo-chí do một tham-chánh văn-phòng điều-khiển.

2- Khối Quản-trị -

Trực thuộc hệ thống chỉ-huy của Tổng Thư-ký do một Tổng Quản-trị Sự-vụ điều khiển và gồm các cơ quan sau đây :

- \* Sở Hành-chánh và Nhân-viên có 3 Phòng :
  - Phòng Hành-chánh
  - Phòng Quản-trị Nhân-viên
  - Phòng Tuyển-mộ và Tu-nghiệp.
- \* Sở Ngân-sách Kế-toán và Vật-liệu có 3 Phòng :
  - Phòng Ngân-sách và Ước chi
  - Phòng Kế-toán
  - Phòng Vật-Liệu
- \* Sở Pháp-chế và Suu-tầm Tài-liệu gồm 2 Phòng :
  - Phòng Pháp-chế
  - Phòng Văn-khố và Thư-viện
- \* Phòng Công-Văn
- \* Phòng Y-tế và Xã-hội
- \* Phòng An-ninh.

3- Khối Thanh-tra và Điều-tra -

Trực thuộc hệ thống chỉ-huy của Chủ-tịch Ủy-Ban Điều-tra và Kiểm-Tra do một Tổng Thanh-tra, Trưởng đoàn Thanh-tra Giám-Sát-Viện điều khiển và gồm có các cơ quan sau :

- + Phòng Văn-thư
- + Thanh-Tra-Đoàn
- + Sở Thanh-tra Sự-vụ có 3 Phòng :
  - Phòng Công-tác 1 : tập trung hồ sơ
  - Phòng Công-tác 2 : lập hồ sơ
  - Phòng Công-tác 3 : Đánh máy, ấn loát
- + Sở Nghiên-cứu và Dân-ý có 2 Phòng :
  - Phòng Nghiên-cứu và Kế-hoạch
  - Phòng Dân-Ý

4- Khối Thanh-tra Kế-toán và Kiểm-kê tài-sản -

Trực thuộc hệ-thống chỉ-huy của Chủ-tịch Ủy-ban Thẩm-tra Kế-toán và Kiểm-kê Tài-sản gồm những cơ quan sau :

- + Phòng Văn-Thư
- + Phòng Kiểm-số và Tài-chánh nội-bộ
- + Tổng cuộc Kiểm-soát Kế-toán và Kiểm-kê tài sản do một Tổng-cuộc-trưởng điều khiển, xếp ngang hàng với Tổng Thanh-tra, Tổng cuộc này gồm có :
  - Nha Kiểm-soát Kế-toán và NSQG có 2 Sở :
    - o Sở Quản-phi
    - o Sở Dân-Ý
  - Nha Kiểm-soát Kế-toán ngân-sách Địa-phương tự trị và các ngân-sách khác, có 2 sở :
    - o Sở Ngân-sách Địa-phương
    - o Sở các ngân sách khác.

\* Sở Kiểm-kê tài-sản gồm 2 Phòng :

- Phòng tài-liệu
- Phòng Kiểm-tra

5- Các Tòa Đặc-ủy Giám-sát Địa-phương -

Đặt dưới quyền điều khiển của một Giám-sát Đặc-ủy, được một hay nhiều Thanh-tra phụ-tá, do một Chánh-Sự-vụ điều khiển, gồm có 3 Phòng :

- Phòng Hành-chánh
- Phòng Dân-Y
- Phòng Thanh-tra và Kiểm-Tra

6- Một Đoàn Chuyên-viên -

Có nhiệm vụ phụ-tá các vị Giám-sát trong việc hành sử nhiệm-vụ Giám-sát.

TIẾT LI - THẨM QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT VIỆN.

MỤC I - THẨM QUYỀN -

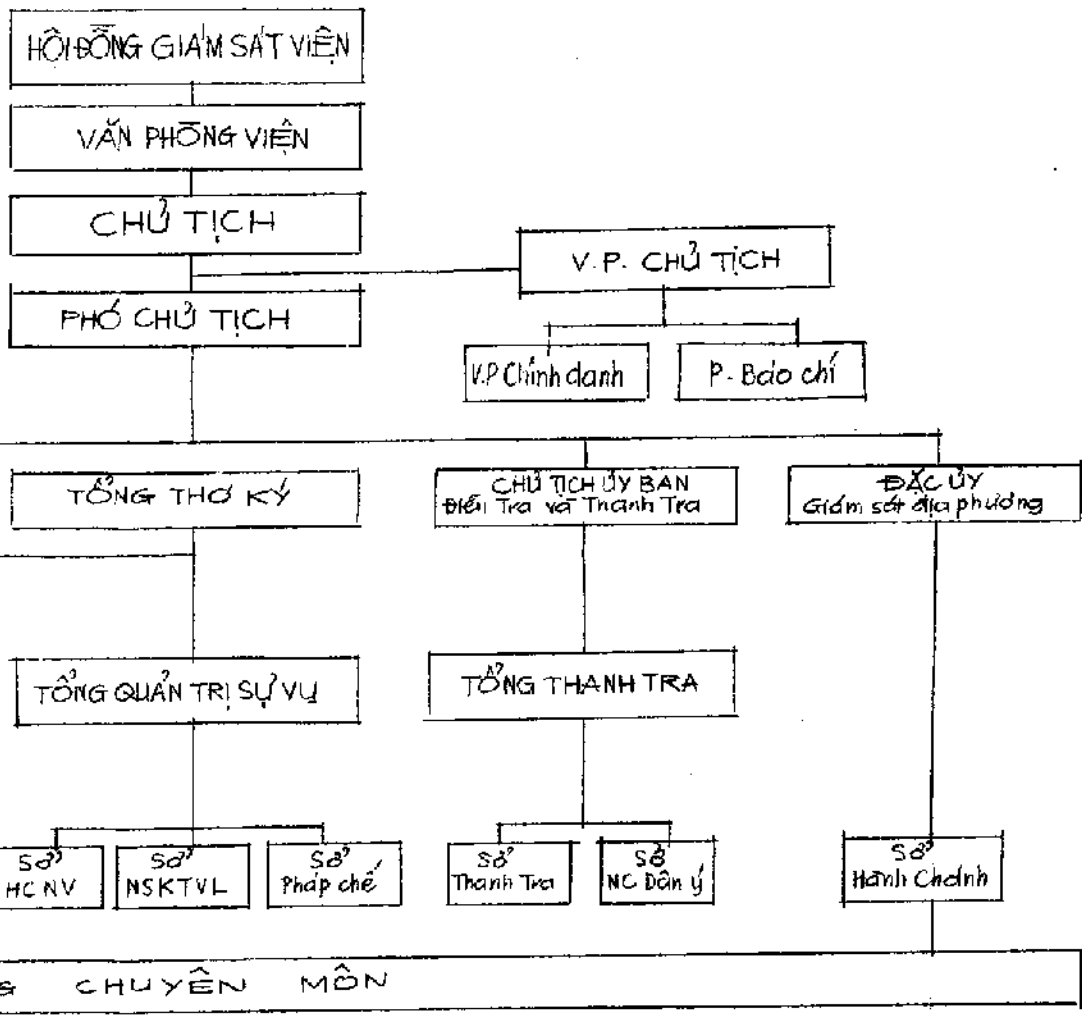
Theo điều 88 Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa, Giám-sát-viện có thẩm quyền :

- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc-gia ;

- Thẩm tra kế toán đối với cơ quan công quyền và hợp doanh ;

- Kiểm kê tài sản các nhân-viên các cơ quan công quyền.....

Sơ đồ tổ chức nội bộ  
GIÁM SÁT VIỆN



- 37 -

- Riêng đối với Chủ-tịch Giám-Sát-Viện và các Giám-Sát-Viện, việc kiểm kê tài sản do Tối-cao Pháp-viện đảm nhiệm.

A - Xác định thẩm quyền của Giám-Sát-Viện đối với nhân-viên công-quyền -

Qua các biên bản thảo luận tại Quốc-hội Lập Hiến về điều 88 Hiến-Pháp, nhiều nhận xét đã được đưa ra là danh từ "nhân viên công quyền" được hiểu gồm cả các vị chỉ huy của cả 3 cơ quan công quyền căn-bản như Tổng-Thống Phó Tổng-Thống Thủ-Tướng, Chủ-tịch Quốc-hội, Chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện. Ý kiến này cũng là ý kiến của Ủy-Ban Liên-Bộ được triệu tập trước tiên để nghiên cứu vấn đề liên lạc giữa Giám-Sát-Viện và cơ quan công-quyền.

Nhưng theo biên-bản của Quốc-hội khi biểu quyết Luật về tổ chức Giám-Sát-Viện, các Dân-biểu đã xác định là Giám-Sát-Viện không có thẩm quyền điều tra đối với nhân viên công quyền được hưởng các đặc quyền tài-phần và đặc miễn nghị viên.

Theo sự giải thích của Hội-đồng Trung-tâm Nghiên cứu Pháp-luật, theo nguyên tắc, danh từ "nhân viên công quyền" được hiểu gồm cả các vị chỉ huy của 3 cơ quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp.

Tuy nhiên, xuyên qua biên bản thảo luận tại Quốc-hội Lập-pháp khi biểu quyết đạo luật về tổ chức Giám-Sát-viện, nhân viên cơ quan công quyền được chia ra làm 2 hạng : hạng nhân viên đặc biệt và hạng nhân viên thường. Và điều 88-HP chỉ áp dụng đối với nhân viên thường mà thôi. Chiếu theo điều này, việc điều tra các nhân viên đặc biệt phải theo một thủ tục đặc biệt.

B - Thẩm quyền của Giám-Sát-Viện đối với Thẩm-Phán, Dân-Biểu và Nghị-Sĩ -

1- Đối với Thẩm-phán -

Theo quan điểm của Đại Hội-Đồng Trung-tâm Nghiên cứu Pháp-luật :

"Thẩm quyền dự liệu nơi điều 1, khoản 1, Luật 9/68 chỉ áp dụng đối với nhân viên thường mà thôi... đối với các nhân-viên công quyền khác được hưởng đặc quyền tài phán luật-định như Thẩm-phán, đặc quyền này vẫn phải được tôn trọng, và do đó Giám-Sát-Viện không có thẩm quyền điều tra đối với các Thẩm phán" (Pháp-lý Tập-san số 1 năm 1970, trang 178 - 179).

Theo điều 85-HP, các vị Chỉ-huy như Tổng-thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Tổng Bộ-Trưởng và Thẩm-phán Tối-cao Pháp-Viện và các vị Giám-sát được ban cho đặc quyền tài-phán.

Như vậy, Giám-Sát-Viện không có thẩm quyền điều tra các nhân viên được liệt kê nơi điều 85-HP vừa nêu trên, vì họ được hưởng đặc quyền tài phán Hiến-định. Giám Sát-Viện chỉ có thẩm quyền kiểm kê tài sản các vị Thẩm-Phán Tối-cao này mà thôi.

Trái lại, đối với các Thẩm-phán Sơ-thẩm, Thượng thẩm Hành-chánh, Tham-chánh-viên, Giám-Sát-Viện có đủ thẩm quyền chiếu điều 88 Hiến-Pháp vì họ không được hưởng đặc quyền tài phán hiến-định.

Tuy nhiên, để bảo vệ uy tín của chức vụ Thẩm-phán nói chung và duy trì tinh thần hợp tác cần thiết cho công-vụ, thiết nghĩ nên áp dụng thủ tục thụ-lý đặc biệt đối với các vị Thẩm phán này.

2- Đối với Dân-Biểu và Nghị-sĩ -

"Điều 38 Hiến-Pháp quy định :

1- Trong trường hợp can tội phản quốc hay trọng tội khác, Dân-biểu hay Nghị-sĩ có thể bị Viện sở quan truất quyền ;

2- Sự truất quyền này phải được 2/3 tổng số Dân-biểu hay Nghị-sĩ đề nghị ;

3- Quyết-định truất quyền phải được 3/4 tổng số Dân-biểu và Nghị-sĩ chấp thuận ;

4- Dương sự được quyền biện hộ trong mỗi giai đoạn của thủ tục".

Điều 85 Hiến-Pháp :

"Đặc-biệt Pháp-viện có thẩm quyền truất quyền Tổng-Thống, Phó Tổng-thống, Thủ-Tướng, các Tổng, Bộ-trưởng, các Tham-phán Tối-cao Pháp-viện và các Giám-Sát-Viện trong trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác".

Như vậy, điều 38 Hiến-Pháp, Hạ-nghi-viện, Thượng nghị-viện sẽ đóng vai trò đặc-biệt pháp-viện dự liệu nơi điều 85 Hiến-Pháp để đề nghị khởi tố và quyết định truất quyền đồng viên của mình can tội phản quốc hay các trọng tội khác.

Do đó ta có thể kết luận rằng, Dân-biểu, Nghị sĩ cũng được hưởng quyền đặc miễn tài phán Hiến-định giống như các vị chỉ-huy ở các cơ quan công quyền khác.

C - Thẩm quyền của Giám-Sát-Viện đối với các nhân-viên Dân-cử ngoài Dân-biểu - Nghị-sĩ -

Theo điều 52 và 73 của Hiến-Pháp VNCH, các nhân viên dân-cử ngoài Dân-biểu và Nghị-sĩ gồm : Tổng-thống và Phó Tổng-thống, Hội-viên Hội-đồng Đô-thành ở Thủ-Đô, Hội-viên Hội-đồng Thị-xã, Hội-viên Hội-Đồng Tỉnh, Hội-viên Hội-đồng Xã, Trưởng-ấp.

Tuy nhiên như trên đã xét, Tổng-thống và Phó Tổng-thống là cấp lãnh-đạo của Quốc-Gia do đó chỉ bị chi phối bởi điều 85 Hiến-pháp và thuộc thẩm quyền xét xử

của Đặc-biệt Pháp-Viện khi các vị này can tội phản quốc và các trọng tội khác. Còn đối với các vị dân cử kia, Hiến-Pháp và Luật-pháp không có một điều khoản nào quy định cho các vị này đặc miễn tài phán hay đặc quyền tài phán.

Vậy có thể nói rằng, các vị này thuộc thẩm quyền của Giám-Sát-Viện theo điều 88 Hiến-Pháp.

## MỤC II - NHIỆM VỤ CỦA GIÁM SÁT VIỆN.

Theo điều 1 Luật 9/68, Giám-Sát-Viện có thẩm quyền và nhiệm vụ :

1- Thanh tra, kiểm soát và điều tra các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc-gia.

2- Thẩm tra Kế-toán đối với nhân-viên công quyền và xí-nghiệp Quốc-doanh và hợp-doanh.

3- Kiểm kê tài sản của nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Thủ-Tướng, Nghị-sĩ, Dân-biểu và Chủ-tịch Tối-cao Pháp-Viện.

Việc kiểm kê phải được hoàn thành trong 6 tháng đầu tiên của nhiệm kỳ Giám-Sát-Viện.

4- Đề nghị các biện pháp chế tài kỷ-luật đối với nhân viên công quyền phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa án có thẩm quyền.

5- Đề nghị các biện pháp cải thiện lề lối làm việc của các cơ quan công quyền, xí nghiệp quốc doanh và hợp-doanh, nhằm ngăn ngừa tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc những hành vi phương hại đến quyền lợi Quốc-gia.



Với một thẩm quyền rộng rãi như thế, Luật 9/68 nhằm bảo vệ sự công minh và tránh lạm quyền của Giám-Sát-Viện đã ấn định 2 giai đoạn rõ rệt trong thủ tục thanh-tra, điều-tra và thẩm tra kế toán.

- Giai-đoạn đầu tiên :

Chủ-tịch Giám-sát-viện sẽ cử trách 2 vị Giám-Sát thuộc 2 thành-phần khác nhau phụ trách cuộc điều tra và kiểm tra.

- Giai-đoạn hai :

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Ủy-ban Giám-sát sẽ phúc trình nội-vụ lên Hội-đồng Giám-sát kết quả cùng đưa đề nghị chế tài. Hội-đồng Giám-sát sẽ thảo luận và biểu quyết một quyết-nghị kín sau khi kết thúc cuộc phỏng vấn đương can và nghe lời biện minh hoặc biện hộ.

\* Trường hợp Hội-đồng quyết định chế tài về kỷ-luật một nhân viên, Chủ-tịch sẽ chuyển quyết định đến cơ quan có thẩm quyền dưới hình thức một đề nghị áp dụng một biện pháp chế tài kỷ-luật do Hội-đồng Viện quyết định

\* Trường hợp quyết định chế tài về hình sự đối với người phạm pháp, Chủ-tịch sẽ chuyển hồ sơ đến Công-Tố-Viện của Tòa-án có thẩm quyền, quyết định của Hội-Đồng Viện và lời yêu cầu truy tố người phạm pháp, và Công-tố-viện bắt buộc truy tố người phạm pháp. Vấn đề chế tài hình sự, ta thấy Luật 9/68 không có dự liệu tái xét một quyết định chế tài về hình-sự của Hội-đồng Giám-Sát-Viện.

\* Trường hợp chế tài về hành-chánh : Hội-đồng Viện có quyền kết khiển các nhân viên có trách nhiệm về Kế-toán. Cơ quan xử dụng các đương sự có thể đề nghị Hội-đồng Viện tái xét quyết-định này.

Tóm lại, Giám-Sát-Viện là cơ quan duy nhất xử dụng quyền giám sát.

## CHƯƠNG II

### *Thủ tục điều hành*

#### TIẾT I - THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH VÀ VĂN PHÒNG GIÁM SÁT VIỆN.

##### MỤC I - THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT VIỆN -

Theo Chương III, Luật 9/68, Hội-Đồng Giám-Sát-Viện sẽ họp khoáng đại mỗi tháng một kỳ vào đầu mỗi tháng, vào ngày thứ hai. Tối đa là sáu (6) ngày dưới sự triệu tập và chủ-tọa của Chủ-tịch Giám-Sát-Viện. Thời gian các phiên họp có thể kéo dài, nếu Hội-đồng Viện thấy cần.

Trong trường hợp cần thiết, hoặc nếu có lời yêu cầu của 1/3 tổng số Giám-sát-viên, Chủ-tịch Giám-Sát-Viện sẽ triệu tập phiên họp bất thường. Các quyết-định của Hội-đồng chỉ có giá trị nếu đủ 1/3 tổng số Giám-Sát-Viên. Trường hợp đồng phiếu, ý kiến của Chủ-tịch quyết định.

Hội-đồng sẽ họp kín ngoại trừ trường hợp có sự yêu cầu họp công khai của tổng số 2/3 Giám-Sát-Viên. Nội dung các cuộc thảo-luận trong Hội-đồng đều được giữ bí mật

Hội-đồng Viện biểu quyết theo thể thức :

- Giơ tay trong vấn đề thông thường
- Bỏ phiếu kín trong những vấn đề mật và quan trọng.

Thể thức biểu quyết bằng ủy-nhiệm-thư không được chấp thuận.

MỤC II - THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH VĂN PHÒNG GIÁM SÁT VIỆN -

Khi có việc cần thiết, vị Chủ-tịch sẽ triệu tập và chủ-tọa Văn-phòng Giám-Sát-Viện.

Văn-phòng họp kín, họp lệ khi có sự hiện diện của quá bán tổng số nhân viên văn-phòng. Việc quyết-định sẽ theo đa số tương đối.

Văn-phòng ấn định Nghị-trình các phiên họp của Hội-đồng Viện.

TIẾT II - THỦ TỤC THANH TRA, ĐIỀU TRA VÀ CHẾ TÀI.

MỤC I - THỦ TỤC THANH TRA, ĐIỀU TRA VÀ CHẾ TÀI.

A - Thủ-tục này được ấn định từ điều 38 đến 48 Nội-quy Giám-Sát-Viện.

Khi có đơn tố cáo, Hội-đồng Viện sẽ họp lại để cứu xét và quyết định tùy trường hợp :

- Nếu tố cáo vô căn cứ : Hội-đồng xếp hồ sơ
- Nếu việc tạm thường : Hội-đồng cho chuyển hỏi ở Tỉnh, Tỉnh sẽ cho điều tra và cho kết-quả để Giám-Sát-Viện cứu xét ;
- Nếu việc quan trọng : Hội-đồng sẽ cho mở cuộc điều tra.

Ngoài ra, Văn-phòng Viện cũng sẽ cho mở cuộc điều tra hoặc thanh-tra theo đề nghị của một hay nhiều vị Giám-sát. Theo điều 20 Luật 9/68, Giám-sát-viện có quyền tự động và bất thần mở những cuộc thanh tra, điều tra và kiểm soát Kế-toán.

Sau đó, Chủ-tịch Viện chiếu điều 39 Nội-quy, cứ ít nhất hai vị Giám-sát thuộc thành phần khác nhau thực hiện một cuộc điều tra tại chỗ. Sở dĩ Luật buộc có ít nhất 2 vị Giám-sát, vì muốn bảo đảm sự kiểm soát hỗ tương giữa 2 vị Giám-sát được chỉ định đi điều tra. Đối với những việc không quan trọng, điều 46 Nội-quy cho các vị Giám-sát được chỉ định có thể ủy quyền cho các Thanh-tra Giám-Sát-Viện.

Trước khi thi hành nhiệm vụ, các vị Giám-sát phụ trách phải xuất trình với các vị chỉ huy cơ bị thanh tra hay điều tra hoặc phụ tá của vị này : Công-vụ-lệnh của Chủ-tịch Giám-Sát-Viện và thẻ chức vụ Giám-Sát, nhưng không cần báo trước cũng như không cần xin phép vị chỉ huy cơ quan này.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, ngoài tư cách tư pháp cảnh lại cao cấp, các vị Giám-sát được hành sử một số quyền hạn cần thiết cho công cuộc thanh tra và điều tra ấn định trong các điều 22, 23, 24, Luật 9/68 như :

- quyền lấy lời khai các đương can, tông phạm, đồng phạm và nhân chứng ;
- quyền yêu cầu vị chỉ huy cơ-quan bị điều-tra, thanh tra hay kiểm soát kế-toán yểm trợ công-tác ;
- quyền triệu dụng Giám-dịnh-viên, chuyên-viên và nhân-viên công-lực ;
- quyền yêu cầu Biện-lý sở tại ra lệnh dẫn giải các người bị điều tra và nhân chứng không chịu đến trình diện sau khi nhận giấy mời ;
- quyền thanh-sát mọi cơ quan công quyền, các xí-nghiệp quốc-doanh và hợp-doanh ;
- quyền kiểm-soát mọi ngân-khoản, trương mục ;
- quyền đòi xuất trình mọi sổ sách, hồ sơ thường và mật liên hệ đến cuộc điều tra và khai thác mọi tài liệu

- quyền thi hành mọi hành vi điều tra xét ra cần thiết để tìm sự thật ;

- quyền tạm ngưng chức các viên-chức bị điều tra để tìm hiểu sự thật, tuy nhiên quyết định tạm ngưng chức cần phải hội đủ quá bán các Giám-Sát-Viên điều-tra đồng ý chấp thuận.

Ngoài ra, nếu có sự phạm pháp quả tang hoặc có những bằng chứng hiển nhiên, các Giám-Sát-Viên điều tra có quyền yêu cầu Biện-Lý-Cuộc sở tại tạm thời câu lưu người phạm pháp trong khi chờ đợi truy tố đương sự trước Tòa-án có thẩm quyền.

Trong cuộc thẩm vấn đương can, Luật-sư nhiệm cách cho y cũng được dự kiến trong sự tôn trọng chức vụ Giám-sát. Biên bản thẩm vấn của các vị Giám-sát điều tra thành lập có giá trị cho tới khi bị kiện theo thủ tục đăng cáo giả mạo.

Sau khi hoàn tất cuộc thanh tra, điều tra, trong hạn ba (3) ngày tròn, các vị Giám-Sát phụ trách phải lập phúc trình lên Văn-phòng Viện để tường trình tỷ mỉ nội vụ và đề nghị các biện pháp chế tài thích nghi. Chậm nhất là bảy (7) ngày sau khi nhận được phúc-trình này, Chủ-tịch Giám-Sát-Viện phải triệu tập Hội-dồng Viện để cứu xét nội-vụ.

B - Vấn đề được nêu lên là Giám-Sát-Viện có quyền mời các viên chức được hưởng đặc miễn nghị viên và đặc quyền tài phán đến Giám-Sát-Viện với tư cách nhân chứng hay không ?

Có hai ý kiến được đưa ra :

1- Ý kiến 1 - Hội-dồng đã quy định những thủ tục đặc biệt về điều tra các nhân-viên công quyền trong yêu, nhằm mục đích bảo vệ uy tín Quốc-gia. Như vậy, nếu Giám-Sát-Viện, có quyền mời các viên chức ấy đến, đầu với tư

cách nhân chứng thuần túy, thiết tưởng hành vi này cũng một phần nào làm giảm sút uy tín ấy. Đó là chưa nói đến trường hợp danh nghĩa nhân chứng có thể lâm thời vì yếu tố mới được Giám-Sát-Viện cải danh thành đương can mà sau này Tòa xét là vô can.

Mặt khác, giả thuyết rằng, Giám-Sát-Viện có quyền mời các viên chức ấy đến trình diện nhưng nếu các viên-chức ấy không đến thì phải áp dụng triệt để điều 23 Luật 9/68, là yêu cầu Biện-Lý-Cuộc dẫn giải. Như vậy, uy tín mà luật-pháp muốn bảo vệ lại bị xâm phạm hơn nữa. Do đó, việc mời các vị ấy trình diện với tư cách nhân chứng là trái với tinh thần luật-pháp.

2- Ý-kiến thứ hai : nêu lên nguyên tắc "bốn phần làm nhân chứng" là một nguyên-tắc quan trọng và cho rằng, nếu thật sự Giám-Sát-Viện chỉ mời các vị ấy ra làm nhân-chứng thuần túy thì giới chức ấy phải trình diện trước Giám-Sát-Viện, với mục đích duy nhất làm sáng tỏ vấn đề mà Giám-Sát-Viện cần biết thêm.

Vấn đề nêu trên đã được Ban Công-pháp thuộc Giám-Sát-Viện đem ra thảo luận và sau cùng, đi đến kết luận :

Điều 23, 52 Luật tổ chức Giám-Sát-Viện dự liệu một cách tổng quát rằng các đương can và nhân chứng phải đến trình diện Giám-Sát-Viện nếu có giấy mời.

Nhưng đối với giới chức được đặc miễn nghị-viên và đặc quyền tài-phán như Tổng-thống, Phó Tổng-thống, nhân viên Chánh-phủ, Thẩm-phán, Giám-Sát-Viện không có thẩm-quyền điều tra.

Riêng về trường hợp Giám-Sát-Viện mời các vị kể trên với tư cách nhân chứng, nhằm mục đích giữ uy tín cho các vị ấy, Giám-Sát-Viện nên có một thủ tục đặc biệt hơn đối với các vị này, chẳng hạn Giám-Sát-Viện có thể phái các Thanh-tra của Viện đến các cơ quan liên-hệ hoặc đến nhà để lấy lời khai hay viết văn thư hỏi những điều cần thiết.

Trong trường hợp Giám-Sát-Viện không đồng quan điểm trên là nên có một đạo luật xác nhận rằng, nhà chức trách trong các cơ quan công quyền được miễn đến Giám-Sát-Viện với tư cách nhân chứng ; các vị ấy có thể phúc đáp bằng văn thư cho Giám-Sát-Viện, hoặc Viện này đề cử Thanh tra đến lấy lời khai tại tư-thất.

\* Một điểm khác được nêu lên trong thủ tục thanh tra, điều tra là trường hợp Giám-Sát-Viện yêu cầu Biện-Lý-Cuộc ra lệnh dẫn giải, nếu Biện-Lý-Cuộc không ra lệnh thì sao ?

Điều này không thấy Luật 9/68 ấn định một chế tài nào, như vậy nếu Biện-Lý-Cuộc không thi hành lời yêu cầu của Giám-Sát-Viện trong việc dẫn giải thì Viện này cũng không có thẩm quyền chế tài sự bất động của Biện-Lý-Cuộc. Theo luận cứ của Đại-Hội-Đồng Giám-Sát-Viện, thì Biện-Lý-Cuộc chỉ chịu trách nhiệm trước Tổng-Trưởng Tư-pháp mà thôi. Nếu các lý do chánh đáng, Biện-Lý-Cuộc có quyền từ chối lời yêu cầu của Giám-Sát-Viện, vì nếu thi hành, Biện-Lý phải chịu trách nhiệm vì hành vi trái phép của mình.

C - Quyền hạn của Giám-Sát-Viện đối với Tòa-An -

Trường hợp Giám-Sát-Viện yêu cầu Biện-Lý-Cuộc truy tố, thì Biện-Lý-Cuộc có những quyền hạn nào ?

- Theo lập trường của Ủy-Ban Liên-Bộ :

e Khi nhận được hồ sơ của Giám-Sát-Viện chuyển sang yêu cầu truy tố, Biện-Lý-Cuộc bắt buộc phải truy tố trong hạn 15 ngày ;

e Biện-Lý-Cuộc vì là cơ quan yểm trợ cho Giám-Sát-Viện nên vẫn giữ nguyên thẩm quyền của mình trong việc ấn định phương cách truy-tố theo tài liệu, hồ sơ nội vụ và theo thủ tục nào có thể bảo đảm đến mức tối đa quyền lợi của bị can như điều 7 Hiến-pháp quy định. Do đó, Biện-Lý-Cuộc có thể truy tố đích danh hoặc vô danh người phạm pháp tùy theo yếu tố nội-vụ.

- Theo ý-kiến của Ban Công-Pháp :

a) Luận về pháp lý :

Cần phân tích 2 điểm tế nhị trong điều khoản luật nêu trên. Đó là :

- công tố viên bắt buộc truy tố
- quyền truy tố đích danh người phạm pháp hay truy tố vô danh khi khởi sự truy tố.

Với sự phân tách nêu trên, nhận xét của Ban Công-pháp là điều 29 Luật 9/68 chỉ nhằm hạn chế quyền thẩm định tính cách thích nghi của sự thi hành công tố quyền để buộc Biện-Lý-cuộc phải truy tố mà thôi.

b) Theo cuộc thảo luận tại Quốc-hội Lập-Hiến :

Về điều 88 Hiến-Pháp minh định rằng, giữa Giám Sát-Viện và Tòa-án có một sự phân nhiệm rõ rệt. Ông Phạm đình Hưng đã minh xác : "Giám-Sát-Viện là tư pháp cảnh lại các cấp và chỉ có nhiệm vụ điều tra sơ khởi mà thôi, chứ không có nhiệm vụ truy tố hay xử án"

"Sau khi hoàn thành hồ sơ điều tra gồm các biên bản do họ lập ra, các Giám-Sát-Viện sẽ chuyển hồ sơ đến cho vị chỉ huy của nhân viên phạm pháp với đề nghị Giám-Sát-Viện và chế tài thích ứng". Lúc đó, vị chỉ huy trưởng của nhân viên phạm pháp có thể gửi hồ sơ đến Tòa-án để thụ lý".

"Nếu xét thấy hành vi phạm pháp của nhân viên đó cấu thành một tội phạm hình sự, Biện-Lý-Cuộc sẽ truy tố nhân viên đó. Lúc đó sẽ tới giai đoạn thẩm cứu tư pháp nghĩa là giao cho Dự-thẩm. Đó là sự phân nhiệm rõ rệt giữa Giám-Sát-Viện và Tòa-án". (Công-báo VNCH ấn bản Quốc-hội số 4-QH/HNV ngày 2-2-1968, trang 367).



Trong đoạn kế tiếp, khi tóm tắt về quyền hạn của Giám-Sát-Viện đối với Tòa-Án, Ông Phạm-Đình-Hưng đã giải thích như sau :

"... Nếu phạm pháp quá nặng và có đầy đủ bằng chứng, Giám-Sát-Viện sẽ yêu cầu Tòa-Án truy tố về tội Hình đó. Tuy nhiên, đây chỉ là một lối đề nghị ... có thể do một lệnh nào đó, Công-tố-viện không chịu truy tố nhân viên phạm pháp này, mặc dầu có đầy đủ bằng chứng và yếu tố pháp lý... Trong trường hợp đó, Giám-Sát-Viện sẽ công bố kết quả cuộc điều tra của mình để quốc dân phán đoán"

Đối chiếu với điều 29 Luật tổ chức Giám-Sát-Viện khi quy định "Trong trường hợp quyết định chế tài về hình sự đối với người phạm pháp, Chủ-tịch sẽ chuyển giao đến Công-Tố-Viện của Tòa-Án có thẩm quyền để yêu cầu truy tố đương sự. Công-Tố-Viện bắt buộc phải truy tố đương sự trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ khi có lời yêu cầu của Chủ-tịch Giám-Sát-Viện", thì điều luật này hiển nhiên đi ngược lại Hiến-pháp, vì Hiến-pháp chỉ quy định Giám-sát-viện có quyền đề nghị mà thôi.

Kết luận theo quan điểm của Trung-tâm Nghiên-cứu Pháp-Luật :

Quyền của Giám-Sát-Viện là một quyền điều-tra, không thể thay thế quyền truy tố là quyền chuyên nhất của Biện-Lý-cuộc được. Do đó Giám-Sát-Viện chỉ có thể, yêu-cầu Biện-Lý-Cuộc truy tố mà thôi, còn quyền truy tố đích danh hay vô danh là do Biện-Lý-Cuộc quyết định.

#### D - Phạm-vi thẩm quyền điều-tra của Giám-Sát-Viện -

Theo điều 31 Luật 9/68 và điều 20 Nội-quy Giám-Sát-Viện, ta thấy Giám-Sát-Viện có thẩm quyền điều tra hỗn hợp thường xuyên hằng năm với sự phối hợp của hệ thống Thanh-tra Hành-chánh, Tài-chánh chuyên-môn của các cơ quan công quyền.

- Theo lập trường của Ủy-Ban Liên-Bộ :

Đặc tính điều tra của Giám-Sát-Viện là bất thần, nếu điều tra thường xuyên sẽ giảm hậu quả. Điều 3 Luật 9/68 chỉ dự liệu điều-tra hỗn hợp thường xuyên hàng năm. Nếu thường xuyên thì cơ quan thanh-tra của mỗi Bộ phải chịu dưới sự điều khiển của 2 cơ quan, Bộ Sở quan và Giám Sát-Viện. Như vậy, trái hẳn nguyên tắc tổ chức và điều hành cơ quan công quyền.

Do đó, không thể chấp nhận vấn đề thanh tra hỗn hợp thường xuyên của Giám-Sát-Viện như ghi trong Nội-quy của Viện này.

- Theo ý kiến của Ban Công-Pháp :

"Giám-Sát-Viện chỉ có thể mở cuộc điều tra khi có đơn khiếu nại hoặc có triệu chứng do dư luận hoặc báo chí nêu lên về các tội phạm định trong điều 1 Luật 9/68, nghĩa là phải có lý do luật định chứ không thể tự nhiên đến thanh-tra các cơ quan không có lý do hoặc với lý do ngoài luật định, như đến thanh-tra để nghiên cứu hiệu năng của cơ quan. Như vậy về pháp lý, việc thanh tra thường xuyên không thể đặt ra và điều 20, khoản 2 nội-quy Giám-Sát-Viện có thể xem là phạm nguyên tắc phân quyền".

- Trung-tâm Nghiên-cứu Pháp-luật để giải thích về điểm này như sau :

Điều 20 Luật 9/68 nêu lên nguyên-tắc tổng quát và ấn định đặc tính của cuộc điều tra của Giám-Sát-Viện, nhưng đặc tính ấy là tự động và bất thần, các điều 23 và 31 chỉ ấn định nhiệm vụ yểm trợ của cơ quan bị điều tra và riêng về điều 31, chỉ ấn định thêm một cách yểm trợ Giám-Sát-Viện khi cơ quan này mở cuộc điều tra.

E - Có thể có sự ủy nhiệm điều tra của Giám-Sát-Viện không ?

Vấn đề đặt ra là khi Giám-Sát-Viện yêu cầu một cơ quan nào có nhân viên bị cáo giác là tham nhũng hay hối mại quyền thế, điều tra rồi phúc kết quả cuộc điều tra đó cho Giám-Sát-Viện có phải là hành vi được Luật công nhận cho Giám-Sát-Viện không ? và có thể coi là sự ủy nhiệm điều tra không ?

- Lập trường của Ủy-ban Liên-Bộ :

Trên khía cạnh pháp-ly, không có điều khoản nào của Luật làm căn bản cho Giám-Sát-Viện ủy nhiệm điều tra cho một cơ quan khác và buộc cơ quan này phải phúc kết quả lại cho Giám-Sát-Viện biết.

Tuy nhiên, trong tinh thần phối hợp các cơ quan và trên khía cạnh thực tế, Ủy-ban đã đồng-ý nên tiếp nhận các đơn tố cáo mà Giám-Sát-Viện chuyển tới cơ quan theo hình thức liên lạc thông thường. Nhưng Bộ liên hệ có toàn quyền thẩm định nội vụ nên hay không nên điều tra. Nếu điều tra xong, Bộ liên hệ có thể tùy nghi thông báo cho Giám-Sát-Viện biết kết quả (Văn thư quy định mối liên lạc giữa Thanh-tra-đoàn và Giám-Sát-Viện). Sự thông báo này chỉ là tự ý không bắt buộc để thể hiện tinh thần cộng tác giữa các cơ quan.

- Ý kiến của Ban Công-Pháp :

Dựa theo tài liệu các cuộc thảo luận tại Quốc-Hội về Giám-Sát-Viện, các nhà Lập-pháp khi thành lập định chế này nhằm mục đích giao cho chính Giám-Sát-Viện mở cuộc điều tra để ngăn ngừa và bài trừ hành vi tham nhũng, hối mại quyền thế. Tính cách cuộc điều tra này là bất thân, đột ngột để tránh sự ầm lậu nguy tạo văn kiện để dấu sự thật.

Luật tổ chức Giám-Sát-Viện không có điều, khoản dự liệu Giám-Sát-Viện chuyển giao đơn cáo giác một công chức đến cơ quan liên hệ để yêu cầu mở cuộc điều tra thay Giám-Sát-Viện.

Ban Công-pháp với cùng một quan điểm của Trung-Tâm Nghiên cứu Pháp-Luật, đi đến kết luận :

Giám-Sát-Viện được thành lập để làm nhiệm vụ điều tra. Do đó, Giám-Sát-Viện không thể và cũng không có thẩm quyền ủy nhiệm một cơ quan khác làm công việc điều tra thế mình.

Tuy nhiên, trong tinh thần hợp tác giữa các cơ quan, tập tục trên xét có phần tiện lợi cho cơ quan công quyền liên hệ, cơ quan Hành-pháp cứ tiếp nhận các đơn tố giác do Giám-Sát-Viện chuyển tới còn việc điều tra hay không, việc phúc kết quả điều tra hay không là do nơi vị chỉ huy cơ quan thẩm liệu.

## MỤC II - THỦ TỤC TÁI XÉT ĐỀ NGHỊ CHẾ TÀI -

A - Như trên đã xét, ta biết Hội-Đồng Giám-Sát-Viện có thể đề nghị chế tài kỷ-luật hay hình sự đối với nhân viên phạm lỗi.

Theo điều 28 của Luật 9/68 "Cơ quan bị thanh tra hay điều tra phải thông báo bị áp dụng các đề nghị chế tài lên Giám-Sát-Viện trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Giám-Sát-Viện".

"Nếu có sự bất đồng ý kiến về mức độ chế tài kỷ luật, cấp trung ương của cơ quan liên hệ có thể đề nghị với Giám-Sát-Viện một đề nghị chế tài khác. Hội đồng Viện sẽ chấp thuận hay bác bỏ đề nghị này trong thời hạn bảy (7) ngày tròn. Quyết định chấp thuận hay bác bỏ của Hội-Đồng Giám-Sát-Viện có hiệu lực cưỡng hành".

Như vậy đối với chế tài kỷ luật thì có thể xin tái xét trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến. Một điểm đáng lưu ý ở đây là chỉ có cấp Trung-ương của cơ quan liên hệ mới có đủ thẩm quyền và tư cách để xin tái xét, còn đương can thì không thể thỉnh cầu trực tiếp với Giám-Sát-Viện được. Vậy muốn xin tái xét, đương can phải thỉnh cầu theo hệ thống Hành-chánh và cấp chỉ huy trực tiếp hay là Bộ sở quan phải thuận : chính Bộ sở quan này chính thức đặt vấn đề tái xét với Giám-Sát-Viện. Trong Luật định 15 ngày thì việc xin tái xét mới khả chấp.

Về vấn đề quyết định chế tài hình sự, thì vấn đề tái xét không hề đặt ra.

Thủ tục trong phiên tái xét cũng như thủ tục trong phiên phán xét đầu tiên.

Vấn đề đặt ra cơ quan nào có thẩm quyền xét lại mức độ kỷ luật của Giám-Sát-Viện trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến giữa cơ quan và Giám-Sát-Viện ? Hiệu lực cưỡng hành quyết-dịnh của Hội-đồng Viện ?

- Vấn đề này trước đây đã được Bộ Tư-Pháp chiếu theo đề nghị của Ủy-Ban Liên-Bộ trình Phủ Thủ-Tướng can thiệp với Giám-Sát-Viện hầu tu chỉnh lại điều 77 Nội-quy Giám-Sát-Viện. Chấp thuận cho bổ túc thêm, ngoài Tổng-thống, Thủ-Tướng, các Tổng, Bộ-Trưởng được yêu cầu Giám-Sát-Viện xét lại chế tài về kỷ-luật đối với các viên chức thuộc quyền. Ban Công-pháp đã tái xét và cũng đồng quan điểm với lập trường của Ủy-Ban Liên-Bộ.

Theo văn-thư số 95-P.Th.T/STTL/M ngày 19 tháng 1 năm 1971, Phủ Thủ-Tướng có thông báo cho các Bộ biết là Giám-Sát-Viện đã tán đồng đề nghị của Phủ Thủ-Tướng về thủ tục, thông-tư hồ sơ liên quan đến các cấp Tổng Giám-Đốc, Quận-Trưởng, Sĩ-quan cấp Tá và các viên chức tương đương. Phủ Thủ-Tướng sẽ phụ trách việc nhận lãnh và hoàn trả Giám-Sát-Viện. Còn đối với những hồ sơ liên quan tới nhân viên cấp dưới, Bộ liên-hệ sẽ đảm trách vấn đề nêu trên.

- Thực sự về hiệu lực cưỡng hành quyết định của Hội-đồng Giám-Sát-Viện chấp thuận hay bác bỏ đề nghị của cơ quan yêu cầu xét xử mức độ chế tài kỷ-luật.

Theo biên bản của Quốc-hội Lập-hiến khi thảo luận về điều 88 Hiến-Pháp, nhà Lập-Hiến đã xác nhận rõ ràng là Giám-Sát-Viện chỉ có quyền đề nghị biện pháp chế tài kỷ luật với các viên chức phạm lỗi. Thuyết-trình-viên của điều 88 này đã nói : "Giám-Sát-Viện là tư pháp cảnh-lại cao cấp và chỉ có nhiệm vụ điều tra sơ khởi mà thôi, chứ không có nhiệm vụ truy tố hay xử án".

Sau chót, thuyết-trình-viên Phạm-Đình-Hương đã tóm tắt quyền hạn của Giám-Sát-Viện như sau :

"Đề nghị của Giám-Sát-Viện sẽ căn cứ vào mức độ nặng nhẹ của sự phạm pháp của các nhân viên các cơ quan công quyền. Nếu phạm lỗi nhẹ, Giám-Sát-Viện chỉ đề nghị những chế tài về kỷ-luật mà hậu quả nặng nhất là cách chức các nhân-viên đó".

"Tuy nhiên, đây chỉ là một lối đề nghị, có thể thượng cấp của nhân viên phạm lỗi lại bênh vực thuộc viên của mình..."

"Trong trường hợp đó, Giám-Sát-Viện sẽ công bố cuộc điều tra để quốc-dân phán đoán. Sự công bố đó có nhiều hình thức, hoặc gửi hồ sơ điều tra đến Quốc-hội, hoặc gửi đến Tối-cao Pháp-Viện, hoặc gửi đăng báo, hoặc tổ chức cuộc họp báo để trình bày quan điểm của mình". (Công-báo VNCH ấn bản Quốc-hội số 4-QH ngày 2-2-1968, trang 376).

Như vậy, điều 28, khoản 2 luật tổ chức Giám-Sát-Viện khi quy định rằng quyết-định của Hội-đồng Giám-Sát-viện có hiệu lực cưỡng hành khi chấp thuận hay bác đề nghị của cơ quan yêu cầu cứu xét lại mức độ chế tài kỷ luật là trái với nội dung điều 88 Hiến-pháp ấn định thẩm quyền của Giám-Sát-Viện. Hiến-Pháp chỉ ban cấp cho Giám-Sát-Viện quyền đề nghị chế tài với quyền lâm thời công bố để dư luận phê phán.

TIẾT III - THỦ TỤC THẨM TRA KẾ TOÁN.

Từ khi độc lập đến nay, nước ta chưa có một cơ quan nào có thẩm quyền kiểm soát tài phán về kế-toán và hậu kiểm hồ-sơ chi thu của Ngân-sách Quốc-Gia. Do đó, sau khi đã thu xong một món thuế hay một món tiền nào khác cho công quỹ và trả một công phí đều để đó và chông chắt từ năm này đến năm khác trong cơ quan nhất là Ngân-kho.

Còn các bảng kết-toán Ngân-sách Quốc-gia, Ngân-sách Địa-phương và tờ trình quản-ly của kế-toán-viên cũng chưa thành lập và thanh quyết, thành thử những viên chức phụ trách về công-ngân nhất là các Kế-toán-viên chưa ai được giải nhiệm. Đứng ra cũng có người bị kết khiếm, nhưng đó là những trường hợp lẻ tẻ khi có đơn tố cáo hoặc lời yêu cầu của Bộ sở quan trong những vụ đáng kể.

Mặt khác, trên thể chế ban hành do Sắc-luật số 19 ngày 3 tháng 9 năm 1966 và Sắc-lệnh số 170 ngày 13 tháng 12 năm 1967 gián dị tiền kiểm để cho mau chóng bằng cách bãi bỏ sự kiểm soát trước kia của hai cơ quan Kiểm-soát Ước-chi và Ngân-kho. Khi thanh toán, chỉ đặt dưới sự kiểm soát nội bộ mà thôi. Trái lại, đặt nặng vấn đề hậu-kiểm, vì tất cả những hồ sơ này đều phải gửi đến Tổng-Cuộc kiểm-soát ở Giám-Sát-Viện để hậu kiểm thường xuyên nữa, để có thể quy trách cho những viên chức thu xuất công ngân.

Như vậy, việc giao cho Giám-Sát-Viện nhiệm vụ thẩm tra kế toán là một việc rất hợp thời để giải quyết dứt khoát việc ứ đọng, chông chắt từ lâu (20 tài khóa, từ 1948 đến nay) và Giám-Sát-Viện cũng được giao đảm trách nhiệm vụ mà Tân Thể-Chế Tài-chánh đã ấn định.

MỤC I - THỦ TỤC THẨM TRA KẾ TOÁN.

Chiếu nhiệm vụ được ấn định bởi Luật 9/68 và Sắc-lệnh số 1-GSV/SL ngày 18 tháng 1 năm 1969, Ủy-ban Thẩm-Tra Kế-Toán đã đề nghị một thủ tục thẩm-tra kế toán gồm 2 phần :

- Kết-toán và giải nhiệm
- Thanh quyết Ngân-sách

I - Thủ-tục kết khiếm và giải-nhiệm :

Việc thi hành Ngân-sách hiện nay đã được nhiều cơ quan kiểm soát cẩn thận qua các giai đoạn :

- Ước chi
- Phát ngân
- Chuẩn chi
- Và sự kiểm soát thường xuyên của các giới chức thẩm quyền của cơ quan chi xuất.

Do đó, sự kiểm soát của Ủy-ban Thẩm-Tra Kế-toán và Tổng-Cuộc Kiểm-soát thuộc Giám-Sát-Viện có tính cách rộng rãi và tối hậu. Kiểm soát về phương diện hợp pháp lan thích nghi của các khoản chi thu. Công việc hậu kiểm nhằm ngăn ngừa và trừng phạt những sự thông đồng bất hợp pháp giữa các nhiệm vụ : ước chi, chuẩn-chi, thanh-toán và chi phó.

Trước hết, Ủy-ban thu thập các hồ sơ kế-toán định kỳ : theo điều 275 Sắc-luật 19/66 ấn định, Kế-toán-cuộc Trung-Uông hàng năm sẽ chuyển tới Tổng-Cuộc Kiểm-soát những bảng kê định kỳ sau đây :

- Trước ngày 1 tháng 3 năm sau, bảng Tổng Kế những ngân-khoản ước chi cho mỗi Ngân-sách trong niên-khoá vừa mãn ;



- Ngày 15 mỗi tháng, mọi phiếu phát hành lệnh xuất-ngân trong tháng trước cùng những chứng từ liên hệ.

- Ngày 20 mỗi tháng, bảng tình hình tổng quát, ghi rõ từng Mục, Chương, Điều, khoản, tổng số chi phí của mỗi Bộ đã được chuẩn chi trong tháng trước.

- Ngày mùng 10 mỗi tháng, bảng tình hình Ngân-kho thuộc tháng trước của Chính-phủ và bảng kê nghiệp-vụ đầu-xuất của các Kế-toán-viên công-ngân khác trong tháng trước.

- Ngày 31 tháng 3 mỗi năm, bảng tổng kê tình hình Ngân-kho tính tới 31 tháng 12 năm trước cùng bảng kết toán tạm thời Ngân-sách của năm này.

- Trước ngày 30 tháng 6 mỗi năm, dự thảo Luật thanh-quyết Ngân-sách năm trước cùng bảng kết-toán vĩnh viễn Ngân-sách Quốc-gia và bảng kết toán Quốc gia có đính kèm bảng kết-toán của xí-nghiệp quốc-doanh, các cơ quan công-lập tự trị và công-ty hợp-doanh. Điều 16 Luật 19/68 và điều 96 Sắc-luật Tài-chánh 19/66, ngoài nhiệm vụ hậu kiểm, Ủy-ban Thẩm-tra Kế-toán và Tổng-cuộc Kiểm-soát còn có nhiệm vụ tiền kiểm bất thần và tại chỗ tất cả những nghiệp-vụ tài-chánh và kế-toán của các công sở Quốc-gia, các xí nghiệp quốc-doanh, các cơ quan công-lập tự-trị và các công-ty hợp-doanh.

Sau đó hồ sơ được chia ra 2 Nha : Nha Ngân-sách Quốc-gia và Nha Ngân-sách Địa-phương tự-trị và các Ngân-sách khác. Các Phòng trực thuộc 2 Nha này sẽ cứu xét các hồ sơ để rồi phúc trình Giám-Đốc Nha, đệ lên Tổng-cuộc Kiểm-soát rồi lên Chủ-tịch Ủy-ban Thẩm-Tra Kế-toán trong hạn năm (5) ngày. Chủ-tịch Ủy-ban lại giao phúc trình cho 2 vị Giám-sát thuộc 2 thành phần khác nhau cứu xét để quyết định kết khiếm hay giải nhiệm trong vòng hai (2) ngày. Quyết-định kết khiếm nếu có sẽ được trình lên Chủ-tịch Ủy-Ban Thẩm-tra Kế-toán để ban hành Nghi-định kết-khiếm trong vòng ba (3) ngày. Nếu là quyết định giải nhiệm, Tổng-cuộc-trưởng Tổng-cuộc Kiểm-soát sẽ gửi công văn thông báo cho cơ quan chỉ huy đương sự trong vòng ba ngày.

Việc thi hành quyết-định kết-kiểm sẽ do Tổ-tụng viên thuộc Bộ Tài-chánh thi hành.

Trong khi cứu xét, bị can có thể được mời tới để trả lời câu hỏi, đối chất hay làm bảng tự khai. Bị can cũng có thể nhờ Luật-sư nhiệm cách biện hộ.

Quyết-định của Ủy-ban Thẩm-tra Kế-toán có tính cách sơ thẩm, nếu muốn thượng cầu, trong hạn 7 ngày sau khi Nghị-định ban hành, bị can phải đệ đơn xin tái xét lên Hội-đồng Giám-Sát-Viện. Quyết định của Hội-đồng có tính cách chung thẩm.

## II - Thủ tục thanh quyết Ngân-sách -

Về đơn vị thanh-quyết, Ủy-ban phân tách 2 khía cạnh :

- đơn vị thực thể từng kế-toán-viên một
- đơn vị thời gian là một niên khóa.

Do đó, mỗi một hành vi thanh quyết là xác nhận sự chu toàn trong công việc của một Kế-toán-viên trong một niên khóa. Và số đơn vị thanh quyết tương ứng với số Kế-toán-viên trong niên khóa.

Đơn vị thanh quyết căn bản là bảng khai toán của một Kế-toán-viên đã thực hiện trong niên khóa. Để thanh quyết mỗi đơn vị căn bản, nhân viên phân hành phải cứu xét hồ sơ một cách vô cùng tỷ mỉ và kỹ lưỡng như việc kiểm soát từng Quỹ-phiếu hoặc Bưu-phiếu một. Thanh quyết xong từng đơn vị, Tổng-cuộc Kiểm-soát sẽ tập trung các đơn vị lại theo tổ chức cơ quan công quyền để cố vấn kiện dự thảo thanh-quyết toàn bộ Ngân-sách.

Trong trường hợp có một Kế-toán-viên phạm lỗi khi thi hành Ngân-sách, phải kết kiểm đương sự trước bằng Nghị-định kết khiển. Nhưng thời gian cứu xét và đối chất rất lâu mà Ngân-sách phải được thanh quyết nhanh chóng,

vì vậy sau khi phát giác lỗi của Kế-toán-viên, Tổng Cuộc-Trưởng Tổng-Cuộc Kiểm-soát sẽ lập 1 lệnh thu ngân tương đương với số tiền đương sự thiếu nợ quốc-gia do lỗi làm của mình. Lệnh thu ngân này sẽ được kèm vào hồ sơ đương sự rồi tập trung với hồ sơ của Kế-toán-viên khác để lập văn kiện dự thảo thanh-quyết Ngân-sách. Trong văn kiện này sẽ có điều khoản riêng ghi trong lệnh thu ngân. Tổng-Cuộc Kiểm-soát và Ủy-ban Thẩm-tra sẽ căn cứ vào các lệnh thu ngân để cứu xét nội vụ. Kết thúc cuộc thẩm tra nếu Kế-toán viên có lỗi sẽ bị kết khiển và truy thu, ngược lại sẽ giải nhiệm cho đương sự và thâu hồi lệnh thâu ngân.

Đó là phương pháp thanh quyết Ngân-sách, còn thủ tục thanh quyết thì sao ?

Ta biết, Ngân-sách ban hành bằng một Đạo Luật do Tổng Nha Ngân-sách soạn-thảo, Quốc-hội biểu quyết và Tổng-thống ban hành. Như vậy theo nguyên tắc, việc thanh quyết ngân sách cũng bắt buộc phải được thực hiện bằng một Đạo Luật do Tổng Cuộc Kiểm-soát soạn thảo, Quốc-hội biểu quyết và Tổng-thống ban hành. Nguyên tắc này được xác nhận bởi điều 329 Sắc-lệnh Tài-chánh số 170-SL ngày 13 tháng 12 năm 1968, khi điều này ghi rõ cơ quan Lập-pháp sẽ thanh quyết ngân-sách.

Tuy nhiên, Giám-Sát-Viện có nhiều quyền hạn để thanh quyết Ngân-sách được mau chóng và hơn nữa, Giám-Sát-Viện cũng là 1 cơ quan có tính cách Lập-pháp nên việc thanh quyết Ngân-sách có thể giao cho Giám-Sát-Viện. Do đó hình thức thanh quyết ngân-sách sẽ không còn là một Đạo-Luật mà là một Sắc-lệnh do Chủ-tịch Giám-Sát-Viện, duyệt ký. Văn kiện này do Tổng Cuộc Kiểm-soát soạn thảo, Hội-đồng Viện biểu quyết, Chủ-tịch Viện duyệt ký và công bố.

**MỤC II - VIỆC KIỂM KÊ TÀI SẢN CỦA BAN THẨM TRA KẾ  
TOÁN VÀ KIỂM KÊ TÀI SẢN.**

Nhằm mục đích chặn đứng hữu hiệu những hành vi tham nhũng, Giám-Sát-Viện đã được giao phó thêm nhiệm vụ kiểm kê tài sản của các viên chức có ít hay nhiều quyền hạn trong tay xem nguồn gốc những tài sản của họ có mờ ám hay không và nhất là được gây dựng nên do hành vi chánh đáng hay bất chánh.

Điều 1 Luật số 9 ấn định: "Giám-Sát-Viện có thẩm quyền và nhiệm vụ kiểm kê tài sản của các cơ quan công quyền kể cả Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Thủ Trưởng, Nghị-sĩ, Dân-biểu, Chủ tịch Tối-cao Pháp-Viện.

Việc kiểm kê phải được hoàn thành trong 6 tháng đầu tiên của nhiệm kỳ Giám-Sát-Viện".

Thi hành luật pháp, nội- quy Giám-Sát-Viện đã giao phó nhiệm vụ kiểm kê tài sản này cho Ban Thẩm-tra Kế toán và Kiểm-kê tài-sản. Sổ kiểm-kê tài sản cũng được thành lập. Sổ này tập trung các bảng kê khai tài sản của các viên chức hoặc đại diện dân cử như đã ấn định trên rồi kiểm soát, theo dõi, khai thác và sưu tầm thêm tài liệu để lâm thời mở những cuộc điều tra cần thiết.

### CHƯƠNG III

## *Hoạt động của Giám sát viên tương quan giữa Giám sát viên với cơ quan công quyền*

#### MỤC I - HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM SÁT VIÊN -

Từ ngày thành lập đến nay, Giám-Sát-Viện đã đạt được những công tác đáng kể như sau :

- Giải quyết 1.785 hồ sơ đủ loại, trong đó có 754 vụ căn cứ vào những tài liệu xác thật đăng tải trên báo chí ;

Trong thời gian qua, Giám-Sát-Viện đã thụ lý và mở các cuộc điều tra, điển hình như sau :

#### 1- Vụ Quế Trà-Bồng (Quảng-Ngãi) -

(Theo David Hoffman báo Washington Post)

Ở Viễn Đông có nhiều cây Quế rất tốt, nhưng loại tốt nhất là "Cinna-Momun lonceirei" chỉ mọc trong phạm vi 1.390 dặm vuông trong rừng sâu giữa ranh giới 3 Tỉnh : Kontum, Quảng-Ngãi và Quảng-Tín. Việt-cộng kiểm soát khu rừng này và khai thác quế đem bán lấy quỹ nuôi quân. Vì vậy, năm 1965, Chính-phủ VNCH cấm bán và vận chuyển quế để ngăn chặn hoạt động kinh-tài Việt-cộng và từ đó xảy ra vụ tham nhũng liên hệ đến một Sĩ-quan cấp Tướng và làm thương tổn đến thanh danh quân-dội.

Tháng 7 năm 1967, các đơn vị Sư-Đoàn 2 VNCH dưới sự điều động của Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Toàn mở đường vô Trà-Bồng, một Làng ở phía Đông khu rừng quế.

Theo lời khai của Tướng Toàn, thì một thương gia tên H.V đến nhờ Tướng Toàn cho quân xe chở về dùm 18.000 cân Anh quế (lối 7.813 kgs) của Ông khai thác được. Chuan tướng Toàn nhận đề nghị và lấy một số tiền mà Ông khai là để phát cho quân sĩ của Ông gọi là tiền thưởng. Không ai rõ Tướng Toàn đã khai thác quế như thế nào trong 2 năm sau đó.

Đến ngày 2 tháng 7 năm 1969, Giám-Sát-Viện nêu đích danh Tướng Toàn và đề nghị quân đội giải chức Tướng này vì liên can đến vấn đề chở quế. Nhưng quân đội không quan tâm đến lời tố cáo của Giám-Sát-Viện ; Nghị-sĩ Trần Văn-Đôn, Chủ-tịch Ủy-ban Quốc-Phòng Thương Viện, không tán đồng sự công bố của Giám-Sát-Viện vì sự làm thương tổn đến thanh danh và tinh thần chiến đấu của Quân-đội. Còn Tổng-thống Thiệu thì im lặng cho đến đầu tháng 8 năm 1969 mới yêu cầu Giám-Sát-Viện cứu xét lại cẩn thận vụ này và cuối cùng, Giám-Sát-Viện quyết nghị miễn tội cho Tướng Toàn. Trong lúc đó, báo chí dị nghị cho rằng Giám-Sát-Viện bất lực.

2- Ông Tổng-Trưởng Kinh-tế -  
(Theo báo Đông-nai số 317 ngày 13-11-1969)

Trước sự xôn xao của dư luận và báo chí về các quyết định táo bạo của Ông Tổng-Trưởng Kinh-tế, nhất là vụ cho phép bán bánh Trung-thu trong khi Quốc-gia phải thi hành chính sách khác khổ. Giám-Sát-Viện có gửi giấy mời Ông Tổng-Trưởng Kinh-tế ra điều trần trước Hội-Đồng Giám-Sát-Viện, Ông Tổng-Trưởng Kinh-tế đã trì hoãn không ra ngay và nói rằng Ông sẽ ra trước Viện khi nào được Thủ-Tướng cho phép. Sự kiện này đưa tới nhiều cuộc tranh luận về thủ tục pháp lý xem Giám-Sát-Viện có quyền áp dụng điều 23 của Luật số 009/68 ngày 23-10-1968 để nhờ Biện-Lý-Cuộc dẫn giải Ông Tổng-Trưởng Kinh-tế trong trường hợp Ông này từ chối ra điều trần trước Viện hay không, cuối cùng Ông Tổng-trưởng Kinh-tế đã ra điều trần tại Giám-Sát viện như luật định.

Trên đây là các hoạt động điển hình mà Giám-Sát viện đã thực hiện trong thời gian qua. Có thể nói rằng trong 4 năm qua kể từ ngày thành lập đến nay, Giám-Sát-viện đã không tạo lập được một thành tích nào đáng chú ý. Tham nhũng vẫn tiếp tục và càng ngày càng phát triển mạnh.

Giám-Sát-viện không chịu hoạt động hay đã bất lực thực sự trước các áp lực chính trị ? Điều này đã được chứng minh rõ rệt khi các đề nghị của Giám-Sát-Viện không được thi hành đúng mức. Uy tín của Giám-Sát-Viện đã bị giảm sút một cách tệ hại mà Giám-Sát-viện không có biện pháp hay uy lực gì để làm cho đề nghị chế tài của mình được tôn trọng. Đó là trường hợp mà phái-viên David Hoffman của báo Washington ghi lại nhận định của Báo Tiếng vang : "Việc Chính-phủ trì hoãn xét xử Tướng Toàn khiến chúng tôi nghĩ rằng Giám-Sát-Viện sẽ không sống lâu được. Dù cho còn sống cũng kể như đã chết rồi. Uy tín của Giám-Sát-Viện tùy thuộc ở vụ xử này".

Tóm lại, sau những năm hoạt động, Giám-Sát-Viện không làm tròn sứ mạng thiêng-liêng mà quốc-dân giao phó. Việc mất tin tưởng nơi hoạt động của cơ quan giám sát tối cao này được nói lên khi Tổng-thống đã trao quyền bái trừ tham nhũng cho Phó Tổng-thống Trần-Văn-Hương vào đầu năm 1972.

## MỤC II - TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁM SÁT VIỆN VÀ CƠ QUAN CÔNG QUYỀN.

Tham nhũng và lạm dụng quyền thế vẫn là ung nhọt cố hữu của xã-hội Việt-Nam. Hơn nữa, vì tình trạng đang ở chiến tranh, những ung nhọt đó lại càng khó trị và trầm kha hơn. Đó là lý do mà nhà Lập-Hiến 1967 đã coi Giám-Sát-Viện là quyền thứ tư, đã hoạch định thành lập Giám-Sát-Viện có mục đích diệt trừ tham nhũng và lạm dụng quyền thế.

Là một cơ quan độc lập và ngang hàng với cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp, Tư-Pháp, Giám-Sát-Viện phải phối hợp với các cơ quan trên để làm tròn nhiệm vụ mình. Sự hợp tác đầu tiên trong việc chỉ định các Giám-Sát. Giám-Sát-Viện gồm có 18 vị Giám-Sát :

1/3 Tổng-thống chọn trong nhiệm kỳ đầu

1/3 do Quốc-hội chọn

1/3 Do Chủ-tịch Tối-Cao Pháp-Viện chọn bằng hình thức bầu cử.

Với số đại diện đồng đều của 3 cơ quan này trong Giám-Sát-Viện, có thể cho Giám-Sát-Viện sự hợp tác chặt chẽ với Hành-Pháp, Lập-Pháp và Tư-pháp, cũng như giữa 3 cơ quan này với nhau trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

- Sự cộng tác giữa Giám-Sát-Viện và Quốc-Hội được thể hiện trong kỹ-thuật điều tra những sự lạm quyền của Hành-pháp. Có điểm đáng chú ý là, trong khi các Ủy-ban thuộc Quốc-hội nói chung, chú trọng về chính sách Quốc-gia, thì Giám-Sát-Viện phụ trách điều tra các nhân viên chấp hành chính sách Quốc-gia.

- Sự cộng tác giữa Giám-Sát-Viện và cơ quan Hành-Pháp : cũng nên ghi nhận rằng, nếu viên chức bị điều tra chỉ phạm lỗi về công vụ hay về Hành-chánh thì Giám-Sát-Viện chỉ cần giao hồ sơ nội vụ cho cơ quan Hành-chánh liên hệ để tùy nghi thi hành những biện pháp chế tài về kỷ-luật như sa thải, kết khiển, buộc đương sự phải bồi hoàn cho công quỹ.

- Sự cộng-tác giữa Giám-Sát-Viện và Tối-Cao Pháp-Viện : được thể hiện trong kỹ thuật truy tố các nhân viên phạm tội hình sự như biến thủ công quỹ, hối mại quyền thế.

Mối tương quan giữa Giám-Sát-Viện và 3 cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư pháp lại càng thể hiện rõ ràng khi Giám-Sát-Viện đề nghị biện pháp chế tài. Giám-Sát-Viện có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng



các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với các nhân viên trực thuộc phạm lỗi hoặc đề nghị cải thiện lề lối làm việc của cơ quan bị thanh-tra hay điều tra. Trong trường hợp Hội-đồng Viện quyết định chế tài về kỷ-luật, Chủ-tịch Giám Sát-viện sẽ chuyển hồ sơ nội vụ đến các giới chức với đề nghị thích nghi.

- Tổng-thống đối với nhân-viên thừa hành cấp Tổng, Bộ, Thứ-Trưởng, Thẩm-phán Công-tố, Tỉnh-Trưởng, các Sĩ-quan cấp Tướng ;

- Chủ-tịch Thượng-Viện đối với Nghị-sĩ và nhân viên trực thuộc Thượng-Viện ;

- Chủ-tịch Hạ viện đối với Dân-biểu và nhân viên trực thuộc Hạ-viện ;

- Chủ-Tịch Tối-cao Pháp-Viện đối với Thẩm-phán Xứ Án và nhân viên trực thuộc ;

- Thủ Tướng Chính-phủ đối với đại-diện dân cử cấp Tỉnh, Xã, nhân viên hành-chánh từ cấp Tổng Giám-Đốc, Quận-Trưởng, Sĩ-quan cấp Tả trở xuống.

Trong trường hợp Hội-đồng Giám-Sát-Viện quyết định chế tài về hình sự, Chủ-tịch Giám-Sát-Viện sẽ chuyển hồ sơ đến Công-tố-viện của Tòa-án có thẩm quyền để yêu cầu truy tố đương sự đồng thời thông báo cho vị chỉ huy của nhân viên bị truy tố tùy theo cấp bậc của đương sự.

Các quyết định liên quan đến kết quả cuộc điều tra, thanh tra và kiểm-kê Kế-toán của Hội-đồng Giám-Sát Viện phải được thông tri cho Tổng-thống, Quốc-hội và Tối cao Pháp-Viện.

Xem như vậy, Giám-Sát-Viện có chu toàn được nhiệm vụ bài trừ tham nhũng hay không là do mức độ hợp tác của cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-Pháp đối với Giám-Sát-Viện.

## PHẦN BA NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ

Căn cứ vào ý niệm giá trị của chế độ giám-sát nêu trên, chúng ta thấy ngay rằng, chế độ giám-sát Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam có nhiều ưu điểm cũng như khuyết điểm kể sau :

### I - Ưu điểm :

Xét qua bản chất và cơ cấu của chế độ giám-sát Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam được mô tả trong phần trên, chúng ta nhận thấy, chế độ này quả thật có nhiều ưu điểm :

#### 1- Có nhiều Giám-Sát-Viên rất tận tâm trong công tác

Xét qua thành phần của Giám-Sát-Viện hiện hữu, ta thấy đa số các vị Giám-sát đều có thiện chí, hoạt động rất tích cực và thiết tha với nhiệm vụ. Chúng ta có thể đơn cử trường hợp điển hình như Giám-Sát-Viên Phạm-Đình-Hưng, vị Giám-sát này nguyên là thuyết-trình-viên về dự Luật tổ chức và điều hành Giám-Sát-Viện, nhân-viên Ủy-Ban Thảo-hiến Quốc-hội Lập-Hiến 1966 : Ông đã viết nhiều bài báo nghiên cứu về chế độ Giám-sát và phê bình xây dựng tổ chức Giám sát Việt-Nam. Ông cũng đắc cử Tổng Thư-ký Giám-Sát-Viện Nhiệm kỳ thứ Nhất. Ngoài ra, Giám-Sát-Viên Trần-Văn-Pho nguyên là Chuyên-viên Tài-chánh và Kế-toán Chủ-tịch Giám-Sát-Viện, Ngô-Xuân-Tích, nguyên là Chánh Thanh-tra Giám-Sát-Viện cũ... Thiện chí và khả năng của các vị này đã được thể hiện sau những năm hoạt động, thu nhiều kết quả.

Tóm lại về mặt nhân sự, Giám-Sát-Viện có phẩm chất khá cao.

2- Giám-Sát-Viện được Hiến-Pháp trừ liệu cho thẩm quyền thật rộng rãi :

Hiến-pháp 1-4-1967 đã giao phó cho Giám-Sát-Viện một thẩm quyền rất rộng rãi, bao trùm tất cả các cơ quan công quyền của Quốc-gia kể cả nhân viên các cơ quan này. Giám-Sát-Viện được quyền kiểm kê tài sản của Tổng-thống, Phó Tổng-thống, Thủ-Tướng, Dân-biểu, Nghị-sĩ, Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện... Thẩm quyền của Giám-Sát-Viện không những có được đối với nhân viên công quyền mà luôn cả tư nhân tòng phạm hay đồng phạm trong các vụ đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi Quốc-gia.

Ngoài ra, Giám-Sát-Viện còn có nhiều phương tiện để hành động. Giám-Sát-Viện có thẩm quyền đề nghị trừng phạt với ưu thế và quyền công bố kết quả cuộc điều tra. Nhờ hai quyền hạn này, Giám-Sát-Viện có thể đem đến kẻ phạm lỗi một sự trừng phạt thích đáng với tội phạm cũng như có thể minh oan cho đương can bằng cách công bố kết quả vô tội. Quyền công bố kết quả cuộc điều tra còn là phương tiện để gây áp lực bắt buộc cơ quan có viên chức phạm lỗi phải thi hành đề nghị của Giám-Sát-Viện nhằm chế tài kỷ luật nhân viên phạm lỗi. Đó là dự liệu chu đáo của nhà làm Luật.

3- Giám-Sát-Viện được độc-lập -

Xuyên qua tinh thần Hiến-Pháp ngày 1 tháng 4 năm 1967 và căn cứ vào các điều-khoản của Hiến-Pháp Đệ II Công-Hòa và Luật 9/68 ta có thể nói rằng, Giám-Sát-Viện là một định chế đặc biệt độc-lập với 3 cơ quan Lập-Pháp, Hành-pháp và Tư-Pháp. Nhưng tiếc thay, Giám-Sát-Viện lại không được công nhận là Đệ IV quyền và ghi vào điều 3 ngang hàng với các cơ quan Lập-Pháp, Hành-pháp và Tư-Pháp. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng không phải là sự bình đẳng tuyệt đối giữa Giám-Sát-Viện và ba cơ quan trên, mà là điều kiện thành công của Giám-Sát-Viện trong việc thi hành sứ mạng khó khăn do Hiến-pháp giao phó. Chính vì vậy, mà Ủy-ban Tháo-Hiến của Quốc-hội Lập-Hiến đã cố gắng

tạo cho Giám-Sát-Viện một vị trí độc-lập và ban cấp cho cơ quan này các quyền hạn và phương tiện hoạt động rộng rãi. Ta không thể căn cứ vào thể thức tuyển chọn các Giám sát mà kết luận rằng, Giám-Sát-Viện lệ thuộc các cơ quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp. Thể thức tuyển chọn các vị Giám-sát chỉ thể hiện sự hợp tác giữa ba cơ quan trên trong việc xây dựng một cơ quan Giám-Sát độc-lập ở cấp Quốc-gia. Sự độc lập này được chứng tỏ khi luật-pháp dự liệu các chế tài của Giám-Sát-Viện, dù chế tài hình sự hay chế tài kỷ luật đều có một hiệu lực mạnh mẽ.

- Sau quyết-định của Hội-đồng Giám-Sát-Viện, cơ quan liên hệ không phải họp Hội-đồng Kỳ-luật mà phải thi hành trong hạn 15 ngày ;

- Trường hợp có sự bất đồng ý, quyết định của Viện có tính cách cưỡng hành ;

- Đối với chế tài hình sự, Công-tố viện bắt buộc phải truy tố trong hạn 15 ngày.

Sự độc lập của Giám-Sát-Viện cũng được thể hiện rõ rệt bởi quyền lập quy và sự tự trị về Ngân-sách của cơ quan này.

Cũng như Tối-Cao Pháp-Viện, Giám-Sát-Viện được Hiến-pháp và Luật 9/68 công nhận có Ngân-sách tự trị và quyền lập quy để tổ chức nội bộ và quản trị ngành Giám-sát. Với quyền tự trị về Ngân-sách, Viện được tự do thiết lập ngân-sách của mình trong giới hạn trợ cấp của Ngân-sách Quốc-gia và thi hành Ngân-sách này dưới sự kiểm soát nội bộ của chính mình. Với quyền lập quy được ủy nhiệm, Chủ-tịch Giám-Sát-Viện có thể ban hành Sắc-lệnh hoặc Nghị-định hoặc Quyết định, tùy theo vấn đề.

Tóm lại, khi cấp cho Giám-Sát-Viện quyền lập quy và ngân-sách tự trị, nhà Lập-hiến có ý định gián tiếp nâng cơ quan này lên một địa vị độc lập và ngang hàng với Lập-pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp.

4- Tính cách dân chủ trong thủ tục điều hành Giám-Sát-Viện :

Luật bắt buộc các vị Giám-Sát phải tôn trọng quyền biện hộ của các người bị điều tra ngay trong giai đoạn thẩm vấn của các vị Giám-sát điều tra cũng như trước Hội-đồng Giám-Sát-Viện.

Về điểm này, Luật 9/68 mạnh dạn thay đổi thủ tục hình sự tố tụng hiện hành bằng cách thực thi điều 7 khoản 6 của Hiến-Pháp công nhận "bị can có quyền được Luật-sư biện hộ dự kiến trong mọi giai đoạn thẩm vấn kể cả trong cuộc điều tra sơ vấn". Sự tôn trọng quyền biện hộ của người bị điều tra trong giai đoạn điều tra sơ khởi nói lên tinh thần dân chủ cao độ trong thủ tục điều hành Giám-Sát-Viện.

II - Khuyết điểm và trở ngại của Giám-Sát-Viện -

Chế độ Giám-sát Việt-Nam mặc dầu đạt được những ưu điểm kể trên do lý thuyết hay, tổ chức khéo. Tuy nhiên, cũng vấp phải vài khuyết điểm đáng lưu ý :

1- Giám-Sát-Viện quá nặng về hình thức và có quá nhiều công việc -

Đáng lý Giám-Sát-Viện là cơ quan Giám-sát tối cao phải nằm ở trên để xem xét các việc trọng đại có tính cách tổng quát của cơ quan đầu não. Trái lại, Giám-Sát-Viện lại quá ôm đồm, dành thẩm quyền trọn vẹn với tất cả công việc, do đó số lượng công việc vượt quá khả năng hữu hạn của mình, Giám-Sát-Viện không làm xuể. Hơn nữa, Giám-Sát-Viện lại quá tôn trọng về hình thức, do đó việc phán xét mất thời giờ, số lượng xử trước Hội-đồng Giám-Sát-Viện rất ít so với số lượng các vụ khiếu tố được Viện thụ lý.

2- Thiếu Huấn-luyện chuyên-môn và kém kỹ-thuật chính trị :

Quyết định này được thấy rõ khi chúng ta nghiên cứu về cá nhân các vị Giám-sát. Kỹ-thuật điều tra của các vị này do đâu mà có? Các kỹ thuật này do kinh nghiệm bản thân của các vị Giám-Sát-Viên mà có chứ không do một cơ quan chuyên môn nào đào tạo. Do đó, ngoại trừ một số Giám sát-viên có khả năng tự đảm trách điều tra, số còn lại phải nhờ đến Thanh-tra phụ tá.

Ngoài ra, công việc Giám-Sát cũng không được đặt thành một chính sách hẳn hoi. Chỉ có tính cách thích ứng từng giai đoạn. Do đó mà kết quả thu hoạch được không mấy quan trọng.

### 3- Lề-lối xử án không được công minh -

Giám-Sát-Viên hiện tại có một lề lối xử án mà các Luật-sư hữu sự (với Giám-Sát-Viên) từng phản đối rất nhiều.

- Lề lối xét xử đó không bảo đảm cho sự công minh trong quyết định. Trong mỗi vụ, một Ông Giám-Sát hay vài ba Ông được cử đi điều tra. Thông thường, trừ ra một vài vụ đặc biệt liên quan đến Ông nào đó, thì Giám-sát đứng điều-tra, còn ngoài ra công việc giao cho Thanh-tra. Kết quả sẽ được trình Giám-Sát ký.

- Trong Đại Hội-đồng, các Ông Giám-Sát, nghe một bản phúc trình tóm tắt rồi quyết định. Các Ông không có đọc hồ sơ điều tra, nên phần nhiều đều thuận y đề nghị của vị Giám-Sát phụ trách.

- Sự kiện khác là Luật-sư của bị cáo không biết mình bị kết tội ra sao, nên không thể cãi kiện đúng mức. Lại có trường hợp kẻ tham những thực sự nhưng cãi rất hay, các vị Giám-Sát không thể thích nghi mà buộc tội, chỉ vì các Thanh-tra điều tra mới hiểu chuyện mà thôi.

### 4- Thiếu Ngân-sách và nhân viên -

Sau bốn năm thành lập, hoạt động Giám-Sát-Viên vẫn còn thiếu thốn nhiều phương tiện hoạt động :

- Trụ sở quá nhỏ hẹp

- Nhân-viên quá khiêm khuyết, với thẩm quyền thanh sát toàn quốc mà Giám-Sát-Viện chỉ có trong tay một lực lượng nhân sự vồn vẹn bốn vị Đặc-ủy Giám-Sát và 25 vị Thanh-tra Giám-sát thì làm sao Giám-Sát-Viện có thể làm tròn nhiệm vụ Hiến-Pháp giao phó ;

- Ngân sách quá thấp kém, trong khi số hồ sơ tham nhũng gia tăng rất nhiều. Việc thiếu thốn ngân sách đã ngăn chặn rất nhiều phương tiện đi điều tra của các vị Giám-Sát. Đây là một trở ngại rất đáng được lưu ý.

5- Giám-Sát-Viện chỉ có quyền đề nghị chế tài -

Đề nghị của Giám-Sát-Viện không có gì bảo đảm rằng sẽ được thi hành đúng mức, ngoại trừ sự dùng quyền công bố kết quả điều tra để gây áp lực tinh thần với cơ quan hữu trách của đương sự.

6- Giám-Sát-Viện không hoàn toàn độc-lập -

Theo tinh thần Hiến-Pháp 1-4-1967, nhờ vị trí độc lập của nó, Giám-Sát-Viện có thể hoạt động hữu hiệu và vô tư. Trái lại, trong thực tế, Giám-Sát-Viện phải chịu ảnh hưởng của Hành-pháp do Tổng-thống đại diện phần nào.

Ảnh hưởng gián tiếp của Tổng-thống đối với Giám-Sát-Viện là chỉ định Giám-Sát-Viện của 2 cơ quan Lập-Pháp và Tư pháp phải được Tổng-thống xác nhận, mặc dù sự xác nhận này có tính cách tượng trưng, hình thức. Do đó, 2 cơ quan này vẫn dè dặt ít nhiều trong khi chọn lựa Giám-sát-viên. Họ sợ Giám-Sát-Viện nào không được Tổng-thống hợp thức bằng Sắc-lệnh bổ nhiệm thì sẽ mất đi một phần uy tín.

7- Thiếu sự hợp tác giữa các cơ quan công quyền và Giám-Sát-Viện -

Cho đến nay, mối tương quan giữa cơ quan công quyền và Giám-Sát-Viện không được tốt đẹp như sự mong ước của nhà Lập Hiến.

Mặc dầu thành phần của Giám-Sát-Viện do Lập-Pháp, Hành-pháp và Tư-pháp chỉ định nhưng Giám-Sát-Viện đã không nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của các cơ quan công quyền trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

Thái độ bất hợp tác của cơ quan công quyền khiến cho Giám-Sát-Viện phải đơn độc đối phó với quốc nạn tham nhũng trong 4 năm qua. Đó là nguyên nhân chính trong sự thất bại của Giám-Sát-Viện.

a) Cơ quan Lập-pháp rất ít thiện cảm với Giám-Sát-viện. Các Dân-biểu và Nghị-sĩ thường đả kích và tuyên bố Giám-Sát-Viện là tai họa của đất nước và đề nghị giải tán Giám-Sát-Viện. Sự cất giã tối đa ngân sách của Giám-Sát-Viện nói lên tinh thần bất hợp tác của Quốc-hội Lương-viện.

b) Cơ quan Hành-pháp thì trong năm đầu tiên đã giúp đỡ tích cực Giám-Sát-Viện. Nhưng ba năm sau, sự hợp tác giữa Giám-Sát-Viện và Hành-pháp trong việc thực thi chính sách bài trừ tham nhũng dần dần giảm bớt và đã chấm dứt với việc ban hành Thông-tư số 1.189-b/Th.T/PC1/2/M ngày 1-9-1971 và Thông-tư số 1.350-TT/Th.T/VP/M ngày 5-10-1971. Hai Thông-tư này đã gây hậu quả bất lợi cho hoạt động của Giám-Sát-Viện : các cuộc điều tra tham nhũng bị tê liệt một phần vì thiếu Thanh-tra phụ trách, một phần vì không thu thập được các tài liệu chứng minh sự vi phạm luật-lệ hoặc tham nhũng.

Tính cách bất hợp-tác của Hành-pháp với Giám-Sát-Viện cũng được thể hiện qua việc Hành-pháp không thi hành theo đề nghị của Hội-đồng Giám-Sát-Viện đối với nhân viên phạm lỗi. Chính-quyền luôn luôn tỏ ra quá nhẹ tay đối với viên chức cao cấp trong Chính-phủ và quân đội, mặc dầu những viên chức này đều được Giám-Sát-Viện điều tra và xác nhận là có hành vi tham nhũng. Người ta có cảm tưởng rằng, sau những năm làm việc, các biện pháp bài trừ tham nhũng được đặt ra như một bức bình phong của chế độ, làm dân chúng đã mất tin tưởng lại càng mất tin tưởng hơn.



3- Quy chế không đủ bảo đảm các vị Giám-Sát -

Trong khi thi hành nhiệm vụ, các vị Giám-Sát có thể đụng chạm với nhiều nhân vật có thế lực và mua chuốc lấy nhiều thù oán. Do đó, các vị Giám-sát cần phải được hưởng đầy đủ các bảo đảm để giữ tinh thần vô tư và cương trực trong suốt nhiệm kỳ.

Tuy nhiên, điều 34 Luật 9/68 đặt các vị Giám-sát lệ thuộc Quốc-hội và không ấn định rõ ràng về phạm vi miễn trách các vị Giám-Sát. Phải chăng các vị Giám-sát được miễn trách không những khi phát biểu và biểu quyết tại Hội đồng Viện mà cả trong sinh hoạt Văn-phòng Viện và các Ủy-ban chuyên-biệt Trung-Ương ?

III - Đề nghị xây-dựng -

A - Đối với Giám-Sát-Viện -

1- Tăng thêm thẩm quyền cho Giám-Sát-Viện :

Giám-Sát-Viện cần được mở rộng thẩm quyền.

Các vị Giám-Sát cần phải cho họ có những bảo đảm dành cho Dân-biểu và Nghị-sĩ ấn định trong điều 37 Hiến-pháp. Về quyền lợi vật chất, thiết tưởng với quyền lập quy và quyền quản trị ngân-sách tự trị, Giám-Sát-Viện có toàn quyền quy định chế độ phụ cấp của các vị Giám-sát. Nhờ bảo đảm một đời sống đầy đủ và khá ăưng, các vị Giám-sát sẽ đem hết tâm trí, danh dự, khả năng, kinh nghiệm và thời giờ để thi hành sứ mạng trọng yếu của mình.

2- Hạn chế bớt nhiệm vụ Giám-sát :

Như trên ta đã biết, vì Giám-Sát-Viện quá ồm đồm nhiều công việc do đó mà công việc bị ối đọng, Giám-Sát-Viện không làm tròn được nhiệm vụ của mình. Thiết tưởng, Giám-Sát-Viện nên hạn chế tầm kiểm soát. Một tầm kiểm soát quá rộng sẽ không tận dụng được vì vượt quá khả năng của người kiểm soát. Ngược lại, tầm kiểm soát quá hẹp, có thể gây trở ngại cho việc điều hành của cơ quan Giám-Sát.

3- Tăng cường phương tiện hoạt động cho Giám-Sát Viện -

- Ngân-sách của Giám-Sát-Viện nên được gia tăng để Viện có thể hoạt động rộng lớn và cấp thời khi cần thiết

- Nhân viên nên được tăng cường để có thể đáp ứng nhu cầu giải quyết mọi hồ sơ ngày càng nhiều ;

- Song song với việc tăng cường nhân viên, Viện cũng nên đặt thành một chính sách Giám-Sát hẩn hời. Các Thanh-tra, Giám-Sát,.. nên được huấn-luyện kỹ-thuật chuyên môn để có thể làm tròn nhiệm vụ mà nhân dân giao phó.

- Ngoài ra, Viện cũng nên mở những cuộc thanh-tra thường xuyên để ngăn ngừa hơn là tự liệu.

4- Sửa đổi lề lối tuyển Giám-Sát -

Theo thông lệ, Giám-Sát-Viện có ba thành phần tuyển khác nhau :

- 6 Ông do Tổng-thống chỉ định
- 6 Ông do Tối-cao Pháp-Viện chỉ định
- 6 Ông do Quốc-hội chỉ định

Ta thấy rằng, các cơ quan chỉ định Giám-Sát không có tai mắt khắp nơi để biết người nào xứng đáng làm Giám-sát ; chẳng qua là coi người nào có chân tay hoặc thân hữu của mình là đưa ra, vì thế nhiều khi có việc cử người không xứng đáng.

Người Giám-Sát phải là người mà tên vừa nói lên, bọng tham những đã run vì biết rằng người đó vừa sạch lại vừa dữ, bởi thế xin đề nghị :

- Mỗi ứng-viên Giám-Sát (không những của Tối-Cao Pháp-Viện, Quốc-hội mà ngay của Tổng-thống nữa) đều được yết bảng tại Saigon và tại nơi trú quán cùng đăng tên tuổi và chức vụ trong quá khứ trên mặt báo trước khi có cuộc bầu cử hay chỉ định ;

- Dân chúng và báo chí sẽ tìm tòi những cái xấu của ứng cử viên đó và sẽ nhận chịu trách nhiệm mà nêu lên, tránh được tình trạng chọn lựa bừa bãi, bè phái...

B - Biện pháp đề nghị hỗ trợ cho công việc bài trừ tham nhũng -

Muốn ngăn ngừa và bài trừ tham nhũng, thiết tưởng cần phải có một chiến dịch, gồm một số biện pháp được gắn liền nhau và liên hệ chặt chẽ đến mọi sinh hoạt của Quốc-gia. Ở đây chúng tôi muốn nói đến biện pháp chia làm hai giai đoạn : Biện pháp cấp thời và biện pháp nhằm cải thiện hoàn cảnh chính-trị, văn hóa bên ngoài và hành chánh bên trong.

I - Biện pháp cấp thời -

1- Biện pháp trừng trị :

Biện-pháp này được quy định trong Sắc-luật số 009-TT/SLU ngày 26 tháng 8 năm 1972 trừng trị các tội hối lộ, hối mại quyền thế và biến thủ công quỹ.

2- Diệt trừ tận gốc nạn bè phái :

Có thể ghi nhận được rằng, nạn bè phái là một trong những nguyên nhân quan trọng gây khó khăn và trở ngại cho việc bài trừ tham nhũng.

Cấp dưới ăn hối lộ, thâm lạm công quỹ, nhưng khi bị phát giác lại được che chở và ếm nhẹm nội vụ. Đó là một việc thường tình. Vì thế, muốn bài trừ tham nhũng trong nền hành-chánh, trước hết phải trừ nạn bè phái và phải dân-sự-hóa nền hành-chánh. Cần có sự phân biệt rõ ràng giữa hai nhiệm vụ hành-chánh và quân sự hiện nay để từ đó hạn chế quyền hạn của Tư-lệnh Quân-khu. Kế đến, việc tuyển dụng và bổ nhiệm phải dựa trên tiêu chuẩn tác phong khả năng chuyên môn.

3- Biện pháp cải thiện và nâng đỡ đời sống công chức :

Cần phải có biện pháp thích nghi để nâng đỡ đời sống công chức, những người có đồng lương cố định trong khi vật giá leo thang phi mã để đời sống của họ tương đối khá hơn. Đồng thời tạo cho họ một căn bản pháp lý vững chắc có thể bảo đảm tương lai và nghề nghiệp của họ, tạo cho họ ý nghĩ là luôn luôn xem công chức là một nghề.

Để thực hiện biện pháp này, trước hết phải cải tổ guồng máy hành chính hầu thực thi chính sách nhân viên rõ rệt, một quy chế công chức hợp thời, hợp lý, thưởng phạt công minh, thuyên chuyển vô tư, dùng người đúng khả năng chuyên môn, xét lại lương-bổn, tiếp tế...

II - Biện pháp ngăn ngừa -

Biện pháp ngăn ngừa hầu tạo nên một khung cảnh chính trị, văn-hóa, xã-hội thuận lợi để trợ lực cho việc bài trừ nạn tham nhũng hầu đạt được kết quả.

Theo thển ý, chúng ta có thể áp dụng những biện pháp sau đây :

1- Tự do ngôn luận và báo chí :

Nhờ tự do ngôn luận và báo chí, các công việc bài trừ tham nhũng trong cơ quan công quyền mới dễ dàng trên mặt báo, tệ trạng hành chánh mới được phanh phui nhờ vào sự tố giác của dân chúng, nhờ vậy mà tham nhũng, nạn cường hào ác bá phải giảm thiểu.

2- Ổn định chính trị và xã hội :

Cần có một nền chính trị ổn định mới tạo cho người công chức nói riêng, và người dân một niềm tin mãnh liệt vào đất nước vào tương lai của chính họ, gia đình họ.

Để họ không còn cảm tưởng là sống cho hiện tại mà không biết đến ngày mai. Cần nâng cao trình độ sinh hoạt tinh thần và vật chất của quần chúng. Nếu người dân hưởng được cuộc sống sung túc, có cơm ăn, áo mặc đầy đủ, họ có thể dùng thời giờ để tham chính, sự tham gia của họ sẽ được hữu hiệu nếu ai ai cũng hiểu nghĩa vụ và quyền lợi phải đi đôi với nhau.

### 3- Giáo dục quần chúng :

Quần chúng được giáo dục triệt để bằng một chính sách phổ biến sâu rộng trên địa hạt tinh thần, nghĩa là tạo người dân ý thức giá trị tinh thần đặt nền tảng trên căn bản đạo đức và tác phong, thanh liêm, cần mẫn trên giá trị vật chất. Hoạt động của chính sách nhằm vào việc lâu dài đào tạo thế hệ thiếu niên hiện tại để thế hệ trẻ này ý thức tầm quan trọng của việc xây dựng Quốc-gia, hùng mạnh nhờ ý tưởng phụng sự dân tộc.

### 4- Ổn định kinh-tế :

Cần áp dụng những biện pháp kinh-tế để làm giảm sự lạm phát và sự leo thang của vật giá. Về điểm này, tăng lương bổng và thù lao chưa đủ, vì hậu quả của nó là sự gia tăng giá sinh hoạt. Cung cấp hàng tháng cho những nhà chức trách những thực phẩm và đồ dùng cần thiết. Có thể cho vay lãi nhẹ đối với những công chức có đủ bảo đảm trả nợ để họ ứng phó với những khoản chi tiêu cần cấp.

### 5- Cải tổ hành-chánh :

Là một vấn đề quan trọng, ngõ hầu thực thi theo mục đích, cho cơ quan quyết-nghị dung hòa và kiểm soát cơ quan chấp hành, hành-chánh. Tránh những lạm quyền của cơ quan chấp hành. Giảm-dị-hóa cơ cấu tổ chức và thủ tục hành-chánh, xử dụng nhân sự thích hợp, hữu hiệu hóa chức vụ

để tránh những sự trùng dụng, dăm chân ứ đọng, chậm trễ, gây thiệt hại tới sự thành thân nhu cầu công cộng, đến nỗi gây ra tình trạng bất mãn, Chính quyền không thu phục được nhân tâm, không có sự hợp tác giữa Chính-quyền và dân chúng. Tham nhũng nhờ đó mà có môi trường hoạt động.

Tham nhũng phát triển ở trong một môi trường hành chánh như vậy cần phải được giải trừ, bài trừ tận căn nguyên. Bởi thế công cuộc trừ khử có tính cách toàn diện và tích cực. Chúng ta hy vọng vào sự cải thiện guồng máy hành-chánh cho lành mạnh thì tham nhũng sẽ tự nó chết dần đi, vì môi trường hoạt động của vi trùng tham nhũng cũng không còn đất sống.

## TỔNG KẾT

Sau khi nghiên cứu toàn bộ cách tổ chức, điều hành của Giám-Sát-Viện, ta phải thành thật mà nói rằng, nhà Lập-Hiến 1967 đã lập một điểm son trong Hiến-Pháp khi tạo dựng một chế độ Giám-Sát thật tiến bộ.

- Chế độ Giám-sát hiện hành có một vị trí biệt lập với các cơ quan công quyền ;

- Giám-Sát-Viện đã được tổ chức thật tinh vi và tiến bộ, dung hợp được hai đức tính đông tây ;

- Giám-Sát-Viện được điều hành rất dân chủ. Quyền chỉ đạo thuộc Hội-Đồng Giám-Sát gồm tất cả các vị Giám-Sát. Quyền biện hộ của bị can cũng được tôn trọng ;

Tuy nhiên, bên cạnh một cơ cấu tổ chức đặt trên sự bình đẳng, tự trị độc lập, trên phương diện điều hành, Giám-Sát-Viện đã gặp nhiều khuyết điểm :

- Luật-lệ bài trừ tham nhũng chưa được áp dụng một cách nghiêm chỉnh và vô tư ;

- Chưa có một chính sách và nhân viên cán bộ chính xác khả dĩ loại trừ được bọn tham nhũng, trọng dụng người có khả năng và tác phong đạo-đức ;

- Hệ thống kiểm soát, thanh-tra bất lực, phương thức kiểm soát thiếu khoa học thường bị cảm tình chi phối. Hơn nữa, hệ thống thanh-tra Việt-nam quá yếu ớt, chỉ đóng vai trò điều tra hơn thanh-tra.

Vì những khuyết điểm nêu trên, nên trong bốn năm qua mặc dù có sự cố gắng, nhưng Giám-Sát-Viện chỉ mang lại một ít kết quả không mấy khả quan, cũng như đã gặp nhiều khó khăn trở ngại khác. Giám-Sát-Viện đã chưa làm tròn được nhiệm vụ mà mọi người mong muốn. Hy vọng trong tương lai, các cơ quan công quyền khác tích cực hợp tác với Giám-Sát-Viện trong công cuộc bài trừ tham nhũng, thì căn bệnh trầm kha này mới có thể được giám sát và tiêu trừ.



# THƯ TỊCH

## a) S Á C H

- Trần-Văn-Bình - Thể chế Tài-chánh và Kế-toán Quốc-gia Việt-Nam
- Phạm-Đình-Hưng - Giám-Sát-Viện Đệ II Cộng-Hòa Saigon, Viễn-Đông 1970

## b) BÁO XUẤT BẢN ĐỊNH KỲ

- Đào-Văn-Bình - "Tham-những hung thần của Dân-chủ"  
Quần chúng, số 3 tháng 7 năm 1968
- T.V.C. - "Kẻ thù của dân tộc, Tham những"  
Hồi hương tháng Giêng năm 1969
- Phạm-Đình-Hưng - "Vài chế độ Giám-sát tại Việt-Nam"  
Cấp tiến 1, 2, 3 năm 1969
- "Vị trí của Giám-Sát-Viện trong  
cơ cấu Quốc-Gia"  
Cấp tiến 6, 7 năm 1969
- "Ba năm thực thi Hiến-Pháp"  
Cấp tiến 16, tháng 4 năm 1970
- "Tương quan giữa cơ quan công  
quyền trong chế độ Đệ II Cộng-hòa VN"  
Cấp tiến 37, tháng 7 và 8 năm 1972
- Nguyễn-Văn-Tiết - "Tham những và bè phái trong nền  
Hành-chánh Địa-phương"  
Nghiên-cứu Hành-chánh tập 10, số 2-1967

## c) BÁO HÀNG NGÀY

- Công Luận
- Chính-luận
- Đồng-Nai

e) ÁN PHẨM CỦA CHÍNH PHỦ -

- Việt-Nam Cộng-Hòa - Luật số 009/68 (23-10-1968) - Tổ chức và điều hành Giám-Sát-Viện
- Việt-Nam-Cộng-Hòa - Biên-bản các phiên họp của Quốc-Hội Lập-hiến
- Việt-Nam Cộng-Hòa - Biên-bản thuyết-trình của Ủy-ban Thảo Hiến Quốc-hội.
- Việt-Nam Cộng-Hòa - Công tác Lập-pháp niên-khoá 1967-1968 Hạ-Nghị-Viện
- Việt-Nam Cộng-Hòa - Biên-bản tóm tắt phiên họp của Ủy-Ban Ngân-sách - Tài-chánh Hạ-Nghị-Viện. Dự thảo Ngân sách và Tài-chánh 1971, 1972, 1973 của Giám-Sát-Viện

f) LUẬN ÁN

- Phan-Tư-Giản - Chế độ Giám-Sát Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam Luận-án. Saigon : Học-Viện Quốc-Gia Hành-chánh, 1970
- Phan văn-Tám - Thẩm quyền Tổng-thống Đệ II Cộng-Hòa VN Luận-án. Saigon : Học-Viện QGHC, 1969
- Lê-Văn-Toàn - Các định chế của nền Đệ II Cộng-Hòa Luận-án. Saigon : Học-Viện QGHC, 1970

g) GIẢNG THUYẾT

- Đoàn-Triệu-Hân - Vấn đề Giám-sát và Giám-Sát-Viện Hội-thảo CH-4/HVQGHC ngày 5-4-1969
- Lê-Trung-Hiếu - Tham-những và Giám-Sát-Viện. Hội-thảo Cao-học 4/HVQGHC, Saigon ngày 13-3-1969
- Hoàng-Trọng-Tài - Tiền-Kiểm và Hậu-kiểm. Hội-thảo Cao-Học 4/HVQGHC. Saigon, ngày 15-4-1969.

TÁC - GIẢ

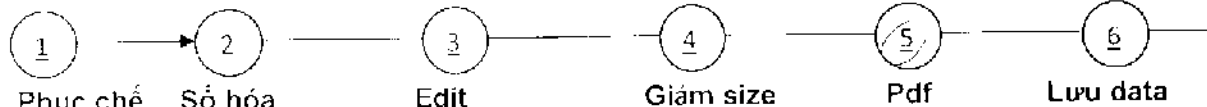
TỰA ĐỀ

NGÀY TRẢ

TÊN NGƯỜI MƯỢN SÁCH

## I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: *.....* Tên tài liệu: *.....*
- Loại tài liệu: *.....* Kích thước, số trang: *.....*
- Người giao: *.....* Người, ngày nhận: *.....*
- Hợp đồng     Kế hoạch     Khác (tự nhân):
- Yêu cầu scan
- Bình thường     Cần file Raw     Khác:



## II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: .....
- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

## III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác ..... Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....

## IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian).....

- Edit                       Giảm size                       PDF

## IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ                       Phục vụ hạn chế                       Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....